



**CÔNG TY CP XÀ PHÒNG HÀ NỘI**  
**Hanoi Soap Joint Stock Company**

[WWW.XPH.VN](http://WWW.XPH.VN)

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014**





## MỤC LỤC

|             |  |           |
|-------------|--|-----------|
| <b>I.</b>   | <b>Thông tin chung</b>   | <b>4</b>  |
| <b>II.</b>  | <b>Tình hình hoạt động trong năm</b>                           | <b>13</b> |
| <b>III.</b> | <b>Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc</b>                    | <b>26</b> |
| <b>IV.</b>  | <b>Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b> | <b>34</b> |
| <b>V.</b>   | <b>Quản trị công ty</b>  | <b>41</b> |
| <b>VI.</b>  | <b>Báo cáo của Ban kiểm soát</b>                               | <b>46</b> |
| <b>VII.</b> | <b>Báo cáo tài chính</b>                                       | <b>53</b> |

# I. Thông tin chung

## 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội
- Tên giao dịch tiếng anh: Hanoi Soap Joint Stock Company
- Tên viết tắt: HASO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100311
- Vốn điều lệ: 129.724.750.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 129.724.750.000 đồng
- Địa chỉ: Số 233B đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 38587051
- Số fax: 38584486
- Website: haso.vn ; xph.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): XPH

## 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần xà phòng Hà nội được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa theo quyết định số 248/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ công nghiệp.
- Trước đây là Nhà máy xà phòng Hà Nội là một doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành hoá chất trực thuộc Bộ công nghiệp nặng và chịu sự quản lý trực tiếp của Tổng cục hóa chất (nay là Tập đoàn hoá chất Việt nam) với nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất các chất tẩy rửa tổng hợp, xà phòng tắm, kem đánh răng phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, nhà máy xà phòng Hà Nội được khởi công xây dựng vào năm 1958 và đi vào hoạt động từ năm 1960.
- Từ năm 1960 đến năm 1990 nhà máy hoạt động dưới sự chỉ đạo của Bộ Công nghiệp nặng, sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu kế hoạch của nhà nước.
- Năm 1993, để phù hợp với luật tổ chức công ty, Nhà máy xà phòng Hà Nội đã đổi tên thành Công ty xà phòng Hà Nội, thực hiện tổ chức quản lý và sản xuất theo mô hình công ty.
- Tháng 12 năm 1994, trong xu thế phát triển chung của nền kinh tế đất nước, công ty đã liên doanh với Tập đoàn Unilever. Toàn bộ công ty trước đây được tách thành 2 doanh nghiệp:
  - o Doanh nghiệp 1: Công ty xà phòng Hà Nội.
  - o Doanh nghiệp 2: Công ty liên doanh Lever- Haso.

- Năm 2003, toàn bộ phần vốn góp của Công ty Xà phòng Hà Nội tại Công ty Liên doanh Lever-Haso được bàn giao cho Tổng công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) quản lý trước khi cổ phần hóa.
- Ngày 01 tháng 02 năm 2005, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.
- Tháng 4 năm 2012, Công ty chuyển nhà máy sản xuất về lô CN3.2 Khu công nghiệp Thạch Thất-Quốc Oai, Hà Nội.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
  - o Kinh doanh hóa chất cơ bản như: muối sulphate, soda ash light, soda ash dense...
  - o Sản xuất gia công chất tẩy rửa dạng lỏng, xà phòng thơm cho Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam.
  - o Sản xuất nước giặt AVO, nước rửa chén SHINY, xà phòng thơm AVO...
- Địa bàn kinh doanh: thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### a) Hội đồng quản trị

Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại điều 25, chương VII, mục “Hội đồng quản trị”, bản “*Điều lệ Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội*”.

#### b) Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo của cơ quan kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

#### c) Giám đốc

- Điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Quyết định nguồn lực cần thiết để duy trì hệ thống chất lượng và hệ thống thực hành sản xuất tốt.
- Điều hành các cuộc xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng & hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP.
- Phân công chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cho các trưởng bộ phận.
- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Ngoài những điều trên, trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc còn được quy định cụ thể tại điều 30, chương VIII, mục “Giám đốc Công ty & các cán bộ quản lý khác và thư ký công ty” bản “*Điều lệ Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội*”

**d) Ban kiểm soát:** được quy định cụ thể tại điều 33, chương IX “Ban kiểm soát” bản “*Điều lệ Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội*”

**e) Phó Giám đốc kỹ thuật**

- Phụ trách khối kỹ thuật & khối sản xuất.
- Phụ trách chung các vấn đề liên quan đến an toàn, sức khỏe và môi trường.
- Phụ trách việc thực hiện các chương trình đào tạo và công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Chỉ đạo thực hiện các kế hoạch hàng năm về sản lượng, trang bị kỹ thuật, đào tạo kỹ thuật cho công nhân, đổi mới sản phẩm để phát triển sản xuất, giám sát việc tiêu hao định mức tại các phân xưởng,
- Lập chính sách và mục tiêu chất lượng.
- Đề xuất nguồn lực cần thiết để duy trì, giám sát hệ thống chất lượng và hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP.
- Điều hành các cuộc xem xét của lãnh đạo về hệ thống chất lượng và hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP (khi được Giám đốc ủy quyền).
- Chịu trách nhiệm triển khai và duy trì hoạt động 5S và VCS trong toàn Công ty.

**f) Đại diện lãnh đạo**

Công ty chỉ định Phó Giám đốc kỹ thuật là đại diện lãnh đạo (MR), MR có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ xem xét hệ thống quản lý chất lượng & hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP.
- Tổ chức các cuộc đánh giá nội bộ và đánh giá từ bên ngoài theo định kỳ về hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP
- Báo cáo cho lãnh đạo cấp cao nhất về hoạt động của hệ thống chất lượng và hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP, kể cả các nhu cầu cải tiến.
- Đại diện cho Công ty để liên hệ với các tổ chức bên ngoài về các vấn đề liên quan tới hệ thống chất lượng và hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP

**g) Trưởng phòng TCKT:**



- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong phạm vi toàn Công ty.
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty.
- Giám sát thực hiện Quy chế tài chính và các quy chế, quy định đã được HĐQT Công ty phê duyệt;
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

#### **h) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính**

- Xác định các yêu cầu trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên.
- Tổ chức sử dụng lao động khoa học, hợp lý.
- Xác định và xây dựng các tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ.
- Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động đào tạo cán bộ công nhân viên.
- Tổ chức và quản lý công tác hành chính.
- Thực hiện việc bảo vệ tài sản của Công ty, bảo đảm an ninh chính trị, phòng chống cháy nổ.
- Bảo quản, sử dụng tốt các trang thiết bị được cấp.
- Quản lý lao động đang làm việc tại Công ty và điều động lao động làm việc đáp ứng với yêu cầu của sản xuất - kinh doanh.
- Xác định nhu cầu và tuyển dụng lao động bổ sung nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Trực tiếp chỉ đạo bộ phận kho vận phụ trách tất cả các kho miền Bắc và đơn vị làm dịch vụ quản lý kho miền Nam.
- Phối hợp với phòng KH-TT để trao đổi thông tin nhập, xuất hàng.
- Phối hợp với phòng TC-KT chỉ đạo thực hiện công tác kiểm kê, quản lý kho...
- Chủ động chỉ đạo bộ phận kho kiểm kê kho hàng tháng, quý.
- Chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng trình lãnh đạo Công ty phê duyệt các hợp đồng dịch vụ liên quan đến công tác quản lý kho, thuê kho, bốc xếp hàng hóa.
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, sức khỏe và môi trường tại bộ phận phụ trách

#### **i) Trưởng phòng Kế hoạch - Thị trường**

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, ngắn hạn.

- Xác định các yêu cầu của khách hàng, đầu mỗi xem xét các yêu cầu đối với sản phẩm.
- Thông tin liên lạc với khách hàng, tham gia tiếp nhận và xử lý các khiếu nại của khách hàng.
- Đánh giá sự thoả mãn của khách hàng.
- Làm thủ tục cần thiết để xuất, nhập khẩu hàng hoá theo yêu cầu của Công ty.
- Lập hợp đồng và theo dõi việc thực hiện hợp đồng.
- Tham gia xử lý khiếu nại của khách hàng và đánh giá sự thoả mãn của khách hàng.
- Tham gia kiểm soát sản phẩm do khách hàng cung cấp.
- Chịu trách nhiệm về an toàn, sức khỏe và môi trường tại bộ phận phụ trách

**j) Trưởng phòng Kỹ thuật**

- Xây dựng các quy trình công nghệ, các hướng dẫn kỹ thuật, các tiêu chuẩn kỹ thuật cho nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm (đối với sản phẩm do Công ty sản xuất).
- Triển khai áp dụng quy trình công nghệ, các tiêu chuẩn kỹ thuật, các hướng dẫn kỹ thuật cho nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm (đối với sản phẩm gia công của Công ty)
- Xác định định mức vật tư kỹ thuật cho sản phẩm.
- Theo dõi kiểm tra việc thực hiện quy trình công nghệ của các sản phẩm.
- Thiết lập lưu đồ sản xuất sản phẩm.
- Tiến hành kiểm tra thử nghiệm nguyên vật liệu mua vào, kiểm tra thành phẩm.
- Xử lý sản phẩm không phù hợp.
- Quản lý và điều phối các chương trình, dự án cải tiến chất lượng.
- Kiểm soát hành động khắc phục/phòng ngừa.
- Tham gia xử lý các khiếu nại của khách hàng.
- Tham gia kiểm soát sản phẩm do khách hàng cung cấp.
- Nghiên cứu sản phẩm mới.
- Theo dõi công tác vệ sinh thiết bị và môi trường cho quá trình sản xuất để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về vệ sinh.
- Chịu trách nhiệm về an toàn, sức khỏe, môi trường tại bộ phận phụ trách.
- Phụ trách an toàn Công ty
  - Quản lý toàn bộ thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn tại các phân xưởng.
  - Kiểm tra giám sát việc sử dụng và bảo quản các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
  - Thực hiện kiểm định đúng theo yêu cầu của Nhà nước
  - Lưu giữ tất cả các hồ sơ có liên quan



**k) Trưởng phòng Đầu tư, xây dựng**

- Nghiên cứu tổ chức lập kế hoạch đầu tư dài hạn, trung hạn, ngắn hạn.
- Lập kế hoạch đầu tư và xây dựng cơ bản hàng năm.
- Thực hiện quản lý các dự án.
- Giám sát thi công và nghiệm thu công trình.
- Lập các hợp đồng kỹ thuật về xây dựng cơ bản.

**l) Trưởng phòng Marketing và Bán hàng**

- Tham mưu cho Giám đốc về định hướng chiến lược các hoạt động Marketing của Công ty CP Xà phòng Hà Nội
- Triển khai hoạt động Marketing cụ thể để phát triển tên tuổi và thương hiệu sản phẩm của Công ty
- Tham mưu cho Giám đốc về định hướng chiến lược các hoạt động tiêu thụ sản phẩm của Công ty CP Xà phòng Hà Nội
- Triển khai hoạt động tiêu thụ sản phẩm được sản xuất bởi Công ty
- Chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng khác xây dựng chương trình kế hoạch sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ, gắn hoạt động Marketing với mục tiêu kinh doanh của Công ty

**m) Quản đốc/Phó quản đốc phân xưởng sản xuất**

- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất.
- Kiểm soát và theo dõi các quá trình sản xuất.
- Quản lý các thiết bị, máy móc sản xuất phân xưởng đang sử dụng.
- Giám sát các kho lưu trữ hàng hóa của phân xưởng.
- Kiểm soát sản phẩm do khách hàng cung cấp.
- Giám sát thực hiện các quy trình sản xuất.
- Kiểm soát việc xử lý tiếp theo để bảo đảm loại trừ nguyên nhân gây ra sự không phù hợp.
- Chịu trách nhiệm về an toàn, sức khỏe và môi trường tại phân xưởng phụ trách.
- Riêng đối với quản đốc phân xưởng xà phòng phải chịu trách nhiệm:
  - Thực hành đúng yêu cầu của Hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP)
  - Lập kế hoạch, thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa, xử lý các sự cố thông thường về thiết bị của phân xưởng.
  - Ghi chép thông tin về tình hình sử dụng thiết bị của phân xưởng
  - Quản lý và lưu giữ hồ sơ máy móc thiết bị của phân xưởng.
- Riêng quản đốc phân xưởng Tẩy rửa có trách nhiệm:
  - Giao kế hoạch sản xuất và theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất.
  - Quản lý kho tàng và phương tiện vận chuyển trong xưởng, kho.

- Thực hiện kiểm kê, lưu giữ, bảo quản xuất nhập nguyên liệu vật tư.
- Làm thủ tục cần thiết để xuất sản phẩm.
- Tham gia kiểm soát sản phẩm do khách hàng cung cấp.

**n) Quản đốc/Phó quản đốc phân xưởng cơ điện**

- Xây dựng nội quy, quy trình, quy phạm, quy tắc kỹ thuật và hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị dùng trong sản xuất và kiểm tra đo lường thử nghiệm.
- Lập, xây dựng kế hoạch và theo dõi giám sát việc sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.
- Thực hiện kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ cho thiết bị (trừ phân xưởng Xà phòng)
- Ghi chép thông tin về tình hình sử dụng thiết bị của phân xưởng (trừ phân xưởng Xà phòng)
- Giải quyết sự cố máy móc thiết bị trong sản xuất. (Riêng đối với phân xưởng xà phòng chỉ giải quyết những sự cố máy móc mà phân xưởng không thực hiện được).
- Quản lý hồ sơ máy móc thiết bị của Công ty (trừ phân xưởng Xà phòng).
- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân kỹ thuật.
- Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc chấp hành quy trình, quy phạm, quy tắc kỹ thuật cho từng công nhân.
- Lập kế hoạch mua sắm vật tư, phụ tùng thay thế bảo dưỡng.
- Quản lý và kiểm soát các dịch vụ liên quan đến thiết bị.
- Gia công phụ tùng thay thế theo yêu cầu.
- Quản lý các máy móc thiết bị, công cụ, đồ nghề của phân xưởng.
- Quản lý và vận hành trạm nước, trạm khí nén và nồi hơi, xử lý nước Deion của Công ty.
- Quản lý, vận hành, sửa chữa trạm điện và các phần điện của thiết bị.
- Thực hiện các chương trình, hành động liên quan đến an toàn, sức khỏe, môi trường của Công ty
- Chịu trách nhiệm về an toàn sức khỏe và môi trường tại phân xưởng phụ trách.

## 5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
  - o Khôi phục vị trí nhà sản xuất kinh doanh chất tẩy rửa hàng đầu trên thị trường Việt Nam, mở rộng ra khu vực và thế giới.
  - o Mang lại lợi nhuận cao cho cổ đông
  - o Xây dựng đội ngũ CBCNV có trình độ, tâm huyết với Công ty, tạo văn hóa doanh nghiệp lành mạnh hỗ trợ sản xuất kinh doanh.
  - o Nâng cao đời sống của CBCNV trong Công ty.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - o Xây dựng thương hiệu bền vững và thấm nhuần ý thức bảo vệ thương hiệu trong toàn thể CBCNV trong Công ty và các nhà thầu phụ của Công ty (Công ty cung ứng hàng hóa, đơn vị vận chuyển...)
  - o Củng cố mảng kinh doanh hóa chất với đối tác Unilever VN làm nền tảng mở rộng cung cấp cho các đơn vị trong Tập đoàn Hóa chất Việt nam nói riêng và thị trường Việt Nam nói chung.
  - o Nghiên cứu, phát triển sản phẩm riêng của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội thỏa mãn thị trường mục tiêu.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
  - o Cam kết tuân thủ các nguyên tắc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh.
  - o Góp phần tạo công ăn việc làm cho nhân dân địa phương khu vực đặt nhà máy nói riêng và cho xã hội nói chung.
  - o Tạo ra sản phẩm tốt cho xã hội, góp phần xây dựng thương hiệu hàng Việt nam chất lượng cao.
  - o Nộp ngân sách đầy đủ, tham gia phát triển cộng đồng địa phương và xã hội.

## 6. Các rủi ro:

- Rủi ro tỷ giá: Rủi ro tỷ giá là rủi ro khi các LC nhập khẩu của Công ty đã mở cho đối tác nhập khẩu hàng, khi hàng thực về tỉ giá biến động ngoài dự báo khi lập kế hoạch nhập hàng. Công ty đang cố gắng hạn chế rủi ro bằng cách xem xét kế hoạch nhập hàng cẩn trọng, đưa dự phòng rủi ro tỉ giá vào kế hoạch kinh doanh.
- Rủi ro lãi suất: Rủi ro lãi suất là rủi ro khi các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng bị điều chỉnh lãi suất do biến động của thị trường. Công ty hạn chế rủi ro bằng cách vay tại một số ngân hàng, khi một ngân hàng tăng lãi suất ngoài cam kết, công ty sẽ ngưng vay và hoàn trả các khoản nợ cũ.
- Rủi ro tín dụng: Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng. Tuy nhiên, trong năm 2013 Công ty chủ yếu bán hàng cho đối tác Unilever VN, một đơn vị có kỷ luật thanh toán cao cũng như chỉ số tín dụng tốt ở Việt Nam nên rủi ro cho các khoản công nợ phải thu thấp. Tiền được thanh toán và gửi tại ngân hàng có uy tín trong nước.
- Rủi ro thanh khoản: Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro có thể xảy ra khi không kịp

thu hồi các khoản phải thu để hoàn trả các khoản vay ngắn hạn đến hạn trả. Tuy nhiên, công ty hiện đang bán hàng chủ yếu cho đối tác Công ty TNHH Quốc tế Unilever VN (Unilever VN), một đơn vị có kỷ luật thanh toán tốt, dẫn đến luồng tiền của Công ty ổn định nên rủi ro thanh khoản rất thấp.

- Rủi ro mua hàng: Rủi ro mua hàng là rủi ro khi hàng hóa công ty mua về không được đối tác giao đúng như hợp đồng đã ký kết hoặc giao hàng chậm tiến độ. Công ty đã hạn chế rủi ro bằng cách ký kết hợp đồng chi tiết, đưa các yêu cầu kiểm soát chất lượng, thời hạn giao hàng cụ thể vào hợp đồng.
- Rủi ro vận tải: Rủi ro vận tải là rủi ro trong quá trình vận chuyển hàng hóa từ cảng bên bán về đến cảng bên mua, từ cảng về kho công ty, từ kho công ty đến kho khách hàng. Công ty hạn chế rủi ro bằng cách mua bảo hiểm hàng nhập cho vận tải đường biển, quy trách nhiệm cho các đơn vị vận tải trong quá trình vận chuyển hàng về kho và giao đi cho khách hàng. Rủi ro vận tải cũng đến từ khả năng tăng đột biến giá xăng dầu hoặc thay đổi chính sách nhà nước làm tăng đột biến giá cước vận tải trong khi chưa thương lượng được với người mua hàng đầu ra về việc tăng cước vận tải tương ứng.
- Rủi ro biến đổi chất lượng hàng hóa: Rủi ro biến đổi chất lượng hàng hóa là rủi ro khi hàng hóa do tích chất hóa lý tự nhiên (hóa chất cơ bản như muối sulphate, soda ash light, soda ash dense) trong quá trình lưu kho bị biến đổi chất lượng do hút ẩm, do điều kiện bảo quản không tốt. Công ty đã hạn chế rủi ro bằng cách quy định FIFO, hàng nhập trước giao trước và quy trách nhiệm cho đơn vị trông giữ kho khi xảy ra biến đổi chất lượng do nguyên nhân chủ quan.
- Rủi ro đối tác: Rủi ro đối tác là rủi ro do công ty bán hàng hóa và gia công chủ yếu cho một đối tác là Unilever VN, khi có sự thay đổi của Unilever VN sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Rủi ro về giá hàng hóa: Rủi ro về giá hàng hóa là rủi ro khi Công ty đã đấu thầu bán hàng cho đối tác, trong khi lượng tồn kho không đảm bảo vì nếu tồn kho lâu sẽ biến đổi chất lượng và tổn động vốn lưu động.
- Rủi ro thị trường: Rủi ro thị trường là rủi ro do thị trường chất tẩy rửa cạnh tranh rất mạnh giữa các công ty đa quốc gia như Unilever VN, P&G... cũng như các doanh nghiệp trong nước, khôi phục vị trí hàng đầu trong ngành chất tẩy rửa có thể thất bại nếu không xác định được phân khúc thị trường phù hợp, triển khai không nhất quán, đội ngũ CBCNV không xây dựng được thương hiệu tin cậy với khách hàng.
- Rủi ro đầu tư vào công ty liên kết: Rủi ro đầu tư vào công ty liên kết là rủi ro khi khoản đầu tư vào Công ty CP Bất động sản Xavinco không đem lại lợi nhuận hoặc thua lỗ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Được nêu chi tiết trong mục III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

### 2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành nắm giữ cổ phần đến ngày 10/4/2015:

| S<br>T<br>T | Tên tổ<br>chức/cá<br>nhân | Chức vụ<br>tại Cty<br>(nếu có) | Số CMND/<br>ĐKKD | Ngày cấp<br>CMND/<br>ĐKKD | Nơi cấp<br>CMND/<br>ĐKKD | Địa chỉ  | Số cổ<br>phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi<br>chú |
|-------------|---------------------------|--------------------------------|------------------|---------------------------|--------------------------|--|-------------------------------------|--|------------|
| 1           | Trương Văn Minh           | Gám đốc                        | 011361822        | 6/11/2009                 | HA NOI                   | 29 Ngõ 61 Đường<br>Thái Thịnh, Đống<br>Đa, Hà Nội        | 16083                               | 0.124%                                 |            |
| 2           | Lê Diệu Thúy              | Phó giám đốc                   | 011497289        | 9/15/2005                 | HA NOI                   | Số 185 đường<br>Nguyễn Trãi,<br>Q.Thanh Xuân, Hà<br>Nội  | 12150                               | 0.094%                                 |            |
| 3           | Lê Hải Sơn                | UVHĐQT/ KTT                    | 012647502        | 10/9/2003                 | HA NOI                   | Xóm 1, Cổ Nhuế,<br>Từ Liêm, Hà Nội                       | 1386                                | 0.011%                                 |            |
| 4           | Lê Hồng Sơn               | UVHĐQT/ Tp.TCHC                | 011069137        | 7/20/2006                 | HA NOI                   | Số 185, Đường<br>Nguyễn Trãi,<br>Q.Thanh Xuân, Hà<br>Nội | 88                                  | 0.001%                                 |            |

### GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2013-2017: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Chủ tịch HĐQT : PHẠM VĂN CHƯỜNG  
 Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 18.6.1962  
 Nơi sinh : Hà Đông Hà Nội  
 Số CMND : 111351128  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Quê quán : Quang Trung, Phú Xuyên, Hà Nội

Địa chỉ thường trú : TT5 C6 , Khu đô thị Văn Quán -Yên phúc Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 38266205

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế

Quá trình công tác :

+ Từ 11/1984 đến 02/1996: Kỹ sư, Công ty Qua hàn điện Việt Đức Thường tín Hà Tây(Hà Nội)

+ Từ 03/1996 đến 10/1998 : Chuyên viên Phòng Quản lý Tòa án Sơ tư pháp Hà Tây (Hà Nội)

+ Từ 11/1998 đến nay : Chuyên viên, Chuyên viên chính, Phó Ban Tổ chức Nhân sự Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Chức vụ hiện tại : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Xà phòng Hà Nội

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Phát triển phụ gia và sản phẩm Dầu mỏ;

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền;

+ Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức;

+ Ủy viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ

+ Sở hữu cá nhân : 00 cổ phần.

+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 3.891.744cổ phần.

( Ba triệu tám trăm chín một nghìn bảy trăm bốn bốn cổ phần)

+ Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

2.Ủy viên/Giám đốc : Trương Văn Minh

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 03-12-1958

Nơi sinh : Hà nội

Số CMND : 011361822

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Xã Thăng Lợi – Huyện Thường Tín – Hà Nội (Hà tây cũ)

Địa chỉ thường trú : Số 29 Ngõ 61 Phố Thái Thịnh – Phường Thịnh Quang  
– Quận Đống Đa – Tp Hà Nội

Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 38587051

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư

Quá trình công tác :

+ Từ nhỏ đến 1976: Học phổ thông

+ Từ 1976 đến 1982 : Bộ đội tại ngũ

+ Từ 1982 đến 1995 : Nhà máy Xà phòng Hà Nội

+ Từ 1995 đến 2005 : Công ty Liên doanh Unilever – Việt Nam

+ Từ 2005 đến nay: Công ty CP Xà phòng Hà Nội

Chức vụ hiện tại : Giám đốc/Ủy viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco

Số lượng cổ phần nắm giữ

+ Sở hữu cá nhân : 16.083 cổ phần.

+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 3.243.118 cổ phần.

+ Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty : 0

Lợi ích liên quan với Công ty : 0

3. Ủy viên /Kế toán trưởng : Lê Hải Sơn

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 09/10/1973

Nơi sinh : Thị xã Lào Cai

Số CMND : 012647502

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Thanh Lâm, Lục Nam, Bắc Giang

Địa chỉ thường trú : Tập thể Liên đoàn Địa chất Quốc Tế, Xã Cổ Nhuế,  
huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 38587051

Trình độ văn hóa : 12/12



Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản lý tài chính/Thạc sỹ Marketing, Bán hàng và Dịch vụ

Quá trình công tác :

- Từ 1993 đến 1994: Nhân viên bán hàng, Công ty TNHH Á đông, Hà nội
- Từ 1995 đến 2003: Kế toán tại Công ty Xà phòng Hà Nội
- Từ 2003 đến 2004: Giám đốc Công ty CP Tư vấn Dịch vụ và phát triển Công nghệ (CSC)
- Từ 2005 đến nay: Trưởng phòng Tài chính-Kế toán/Kế toán trưởng/Thành viên HĐQT, Công ty CP Xà phòng Hà Nội
- Từ 2013 đến nay: Chủ tịch Công đoàn Công ty

Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Tài chính-Kế toán/Kế toán trưởng/Thành viên HĐQT/  
Chủ tịch Công đoàn Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty  
TNHH Thể thao Kendo Việt Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.386 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 1.386 cổ phần.

+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : ... cổ phần.

+ Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : ... cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

4. Ủy viên /Tp Tổ chức Hành chính : Lê Hồng Sơn

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 23-01-1963

Nơi sinh : Hà nội

Số CMND : 011069137

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Hoàng lộc, Hoàng hóa, Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú : Số 185 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Tp Hà Nội

Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 38587051

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư

Quá trình công tác :  
+ Từ nhỏ đến 1981 : Học phổ thông  
+ Từ 1982 đến 1985 : Bộ đội tại ngũ  
+ Từ 1985 đến 1990 : Nhà máy Xà phòng Hà Nội  
+ Từ 1990 đến nay : Công ty CP Xà phòng Hà Nội  
Chức vụ hiện tại : Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính/Ủy viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Ủy viên BKS Công ty Cổ phần bất động sản Xavinco

Số lượng cổ phần nắm giữ

- + Sở hữu cá nhân : 88 cổ phần.
- + Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 3.243.118 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 12.150 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty : 0

Lợi ích liên quan với Công ty : 0

5. Ủy viên /Tp Kỹ thuật : Đào Nguyên Du

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 15-10-1973

Nơi sinh : Hải phòng

Số CMND : 013306574

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Xã Hùng Tiến – Huyện Vĩnh Bảo – Thành phố Hải phòng

Địa chỉ thường trú : Số nhà 18 ngõ 180 Nguyễn Lương Bằng – Phường Quang Trung - Quận Đống Đa – Tp Hà Nội

Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 38587051

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân

Quá trình công tác :

- + Từ nhỏ đến 1990 : Học phổ thông
- + Từ 1991 đến 1996 : Học Đại Học
- + Từ 1996 đến 2002 : Công ty Xuân Hòa – Mê Linh – Vĩnh Phúc
- + Từ 2002 đến 2004 : Công ty Liên doanh Unilever – Việt Nam

- + Từ 2004 đến nay: Công ty CP Xà phòng Hà Nội  
 Chức vụ hiện tại : Trưởng phòng Kỹ thuật/Ủy viên Hội đồng quản trị  
 Số lượng cổ phần nắm giữ
  - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
  - + Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.
  - + Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : 0  
 Lợi ích liên quan với Công ty : 0

### **BAN KIỂM SOÁT**

1. Trưởng ban : Nguyễn Thị Vân Hoa  
 Giới tính : Nữ  
 Ngày sinh : 29/4/1974  
 Nơi sinh : Nam Định  
 Số CMND : 012394339  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Quê quán : Nam Định  
 Địa chỉ thường trú : Nhà số 5 ngách 96 ngõ 640 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, TP Hà Nội.  
 Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 3933 22 67  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế  
 Quá trình công tác :

- + Từ tháng 11/1997 đến tháng 11/2010: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- + Từ tháng 12/2010 đến 12/2013: Phó phòng Kế toán – Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- + Từ tháng 1/2014 đến nay : Phó Ban Kiểm soát nội bộ, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.
- Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao.

Số lượng cổ phần nắm giữ

- + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- + Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.

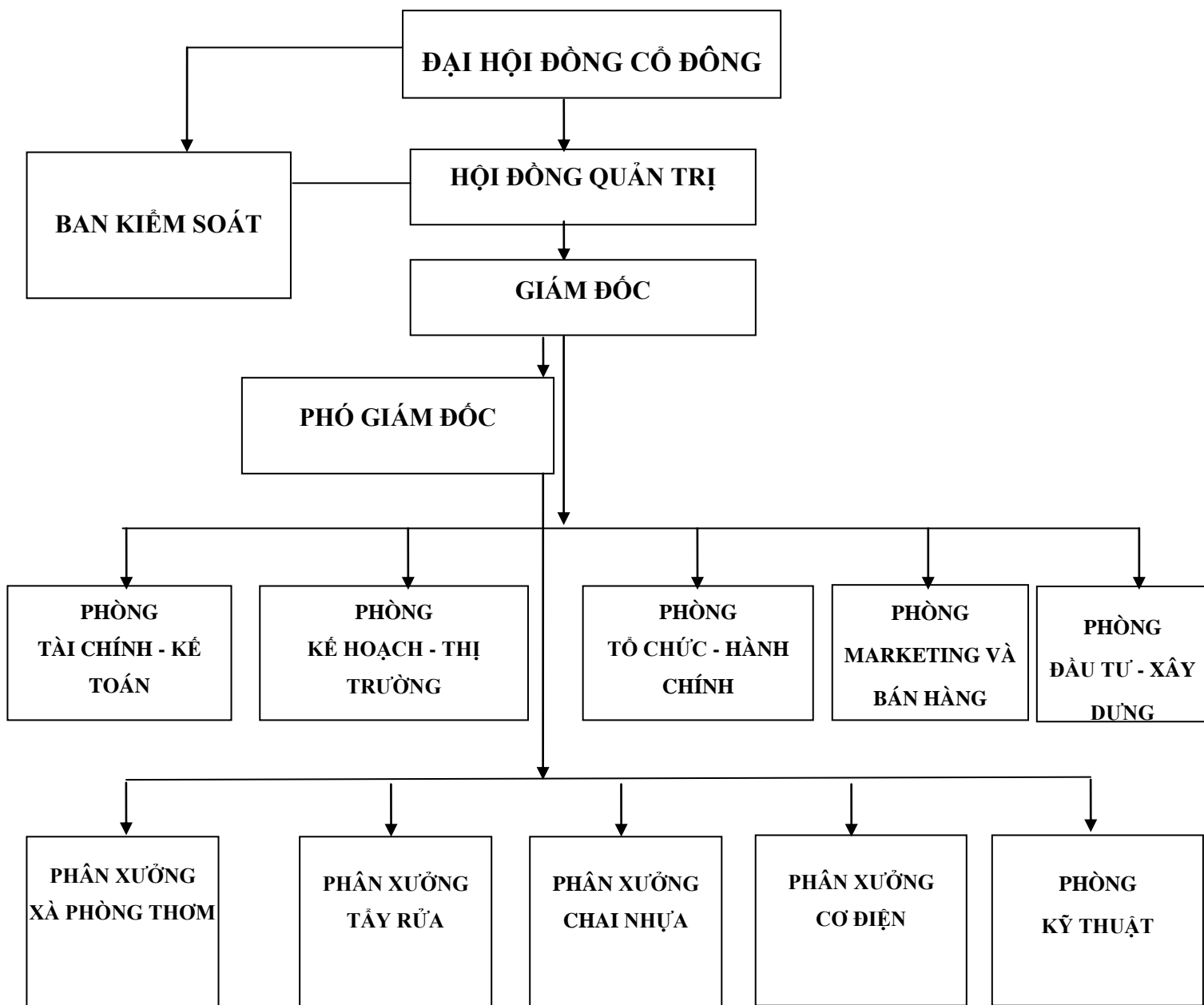
Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

2. Ủy viên BKS : Đỗ Thúy Ngọc  
 Giới tính : Nữ  
 Ngày sinh : 22-03-1962  
 Nơi sinh : Hà nội  
 Số CMND : 010241261  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Quê quán : Giao nhân ,Giao hải ,Nam Định  
 Địa chỉ thường trú : Số 18 BT1 Mễ trì Hạ, Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội  
 Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 38587051  
 Trình độ văn hóa : Thạc sỹ quản trị kinh doanh.  
 Trình độ chuyên môn : Kế toán  
 Quá trình công tác :  
 + Từ nhỏ đến 1978 : Học phổ thông  
 + Từ 1979 đến 1982 : Trường sĩ quan tài chính.  
 + Từ 1982 đến 1984 : Trường hậu cần Bộ đội biên phòng.  
 + Từ 1984 đến 1987 : Bộ tư lệnh bộ đội biên phòng.  
 + Từ 1987 đến 1993 : A23 Bộ nội vụ.  
 + Từ 1993 đến 1995 : Công ty bao bì xuất khẩu  
 + Từ 1995 đến 1997 : Công ty TST- Tổng cục 2 Bộ quốc phòng.  
 + Từ 1997 đến nay : Công ty CP Xà phòng Hà Nội  
 Chức vụ hiện tại : Trưởng phòng KHTT/Ủy viên ban kiểm soát.  
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không  
 Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần  
 + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.  
 Các khoản nợ đối với Công ty : 0  
 Lợi ích liên quan với Công ty : 0

3. Ủy viên BKS : Lê Quang Tín  
 Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 02/02/1963  
 Nơi sinh : Hưng Yên  
 Số CMND : 011850535  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Quê quán : Xã Mai động, Kim Động, Hưng Yên  
 Địa chỉ thường trú : Số 43, ngõ 26 dốc Tam đa, Thụy Khuê, Tây Hồ  
 Điện thoại cơ quan :  
 Trình độ văn hóa : 10/10  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện  
 Quá trình công tác :  
 + Từ 1989 đến 2010: Công ty Thực phẩm Miền Bắc  
 Phó giám đốc Khách sạn Hà Nội-Việt Trì –Trực thuộc Công ty Thực phẩm Miền Bắc.  
 + Từ 2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH An Phúc  
 Chức vụ hiện tại : Thành viên BKS Công ty CP Xà phòng Hà Nội  
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty  
 TNHH An Phúc  
 Số lượng cổ phần nắm giữ  
 + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.  
 + Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : ... cổ phần.  
 + Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : ... cổ phần.  
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không  
 Lợi ích liên quan với Công ty : Không

– Số lượng cán bộ, nhân viên: 155 người  
 – Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: người lao động được đảm bảo quyền lợi hợp pháp, lao động trong điều kiện an toàn, có cơ chế để người lao động đóng góp ý kiến cải thiện điều kiện lao động, chế độ đãi ngộ. Chính sách với người lao động chưa có sự thay đổi.



### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Đầu tư vào
  - o Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco.
  - o Địa chỉ: 191 Bà Triệu, Hà nội
  - o Kinh doanh bất động sản
  - o Số tiền góp 71,25 tỷ đồng.
  - o Chiếm tỉ lệ 3,56%
  - o Vốn điều lệ thực góp của Xavinco: 2.000 tỷ đồng

Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco có vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng, trong đó: Công ty CP Xà phòng Hà Nội góp 71,25 tỷ đồng tương đương gần 3,56%, số vốn điều lệ còn lại do Vingroup nắm giữ. Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco theo hợp đồng hợp tác đầu tư sẽ khai thác diện tích đất tại địa chỉ 233 và 233B Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, diện tích đất này hiện đứng tên Công ty Cổ phần Xà phòng Hà nội, tuy nhiên, phần lớn các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng hợp tác đầu tư đã được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco, đến thời điểm 31/12/2014, Công ty Cổ phần BĐS Xavinco vẫn đang trong giai đoạn đầu tư XD/CB nên Ban Giám đốc nhận định việc trình bày và ghi nhận theo giá gốc giá trị khoản đầu tư vẫn là 71,25 tỷ.

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

#### Cơ cấu tài chính chung

| Tài sản             | Số tiền (tỷ đồng) | Tỉ lệ |
|---------------------|-------------------|-------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 65,79             | 36%   |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN  | 158,69            | 64%   |
| Cộng                | 224,48            | 100%  |

| Nguồn vốn         | Số tiền (tỷ đồng) | Tỉ lệ |
|-------------------|-------------------|-------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ    | 5,69              | 11%   |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 218,79            | 89%   |
| Cộng              | 224,48            | 100%  |

- Cơ cấu tài sản nhìn chung phù hợp với đơn vị sản xuất, tuy hơi thiên lệch về tài sản dài hạn với tỷ trọng 64%. Tuy nhiên ở đây có ảnh hưởng bởi yếu tố khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco với tỷ lệ 27,24% tương đương 71,25 tỷ đồng, khoản đầu tư hiện nay chưa được chia lãi, chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu tài sản.
- Cơ cấu nguồn vốn thể hiện sự tự chủ cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh, với 89% được tài trợ bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, đây cũng thể hiện sự mất cân đối giữa công nợ phải thu và công nợ phải trả. Chúng ta cho đối tác nợ thời gian dài hơn thời gian chúng ta đàm phán với người mua cho chúng ta nợ, điều này thể hiện công tác mua hàng chưa được chuyên nghiệp.



- Bên cạnh đó bổ sung thêm bằng chỉ tiêu vòng quay vốn chủ sở hữu = Doanh thu/Vốn chủ sở hữu = 131 tỷ / 218 = 0,6 và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu âm cho thấy tiềm năng vốn chủ sở hữu cao, tuy nhiên chưa được phát huy, hiệu quả sử dụng vốn thấp.
- Hiệu quả sử dụng vốn thấp có thể lý giải do năm 2013, 2014 hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung đều khó khăn Công ty thu hẹp sản xuất để bảo toàn vốn. Tuy nhiên, thực tế cũng thể hiện tiếp tục bế tắc trong định hướng sản xuất kinh doanh, phụ thuộc quá lớn vào một đối tác là Công ty TNHH Quốc tế Unilever VN cả về hoạt động sản xuất và hoạt động kinh doanh.

**b/Phân tích một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

| Số TT | Chỉ số tài chính                    | Công thức tính   | Mã số | Đvt  | Giá trị |
|-------|-------------------------------------|--|-------|------|---------|
| 1     | Tỷ số khả năng thanh toán hiện hành | Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn   | 100   | Lần  | 11.56   |
| 2     | Tỷ số khả năng thanh toán nhanh     | (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn   | 101   | Lần  | 7.26    |
| 3     | Tỷ số khả năng thanh toán bằng tiền | (Tiền và các khoản tương đương tiền + Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn) / Nợ ngắn hạn | 102   | Lần  | 1.29    |
| 4     | Bình quân các khoản phải thu        | (Phải thu đầu kỳ + Phải thu cuối kỳ)/2   | 103   | tỷ   | 38      |
| 5     | Vòng quay các khoản phải thu        | Doanh thu/Bình quân các khoản phải thu   | 104   | Vòng | 3.51    |

|    |  |  |     |      |       |
|----|--|--|-----|------|-------|
| 6  | Kỳ thu tiền bình quân                        | 365/Vòng quay các khoản phải thu                   | 105 | Ngày | 104   |
| 7  | Bình quân hàng tồn kho                       | (Hàng tồn kho đầu kỳ + Hàng tồn kho cuối kỳ)/2     | 106 | Tỷ   | 29    |
| 8  | Vòng quay hàng tồn kho                       | Giá vốn hàng bán/Bình quân hàng tồn kho            | 107 | Vòng | 4     |
| 9  | Thời gian luân chuyển hàng tồn kho bình quân | 365/Vòng quay hàng tồn kho                         | 108 | Ngày | 91.80 |
| 10 | Bình quân các khoản phải trả                 | (Phải trả đầu kỳ + Phải trả cuối kỳ)/2             | 109 | Tỷ   | 17    |
| 11 | Vòng quay các khoản phải trả                 | Trị giá hàng mua chịu/Bình quân các khoản phải trả | 110 | Vòng | 6.68  |
| 12 | Thời gian trả tiền bình quân                 | 365/Vòng quay các khoản phải trả                   | 111 | Ngày | 55    |

- Chỉ số thanh toán hiện hành, nhanh, bằng tiền cho thấy chúng ta tự chủ về tài chính với chỉ số đều cao so với các đơn vị cùng ngành, tuy nhiên đây lại thể hiện sự ứ đọng vốn, hiệu quả sử dụng vốn không cao, dẫn đến sản xuất kinh doanh lỗ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ chủ yếu do 2 nguyên nhân:

- Hoạt động sản xuất chưa chạy hết công suất thiết kế, đẩy chi phí khấu hao lên cao vì đối tác đặt gia công chưa nhiều và tự sản xuất sản phẩm của Công ty còn thấp.
- Hoạt động kinh doanh thương mại còn mua hàng mua không đảm bảo chất lượng, phát sinh chi phí xử lý hàng, chi phí vận chuyển hàng bị trả về, chi phí thuê kho để giữ hàng kém luân chuyển gây tồn đọng vốn.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu theo danh sách chốt cổ đông ngày 10/4/2015:

- a) Cổ phần:
- Tổng số cổ phần: 12,972,475
  - Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
  - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12,972,475
  - Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không
- b) Cơ cấu cổ đông:
- Phân theo tỷ lệ sở hữu:
    - + Cổ đông lớn: 80,00%
    - + Cổ đông nhỏ: 20,00%
  - Phân theo tổ chức và cá nhân
    - + Cổ đông tổ chức: 80,50%
    - + Cổ đông cá nhân: 19,50%
  - Cổ đông trong nước và nước ngoài
    - + Cổ đông trong nước: 100%
  - Cổ đông nhà nước và cổ đông khác
    - + Cổ đông nhà nước: 80,00%
    - + Cổ đông khác: 20,00%
- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
- e) Các chứng khoán khác: Không
- f) Số lượng cổ đông theo danh sách 10/4/2015: 453 cổ đông

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đặc điểm của Công ty:

Năm 2014 là năm vẫn còn nhiều khó khăn ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu và kinh tế Việt Nam do đó cũng ảnh hưởng không nhỏ tới các doanh nghiệp sản xuất trong nước và hoạt động SXKD tại Công ty. Với sự cố gắng nỗ lực của toàn thể CBCNV công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội, được sự chỉ đạo kịp thời của Tập đoàn Hóa chất Việt nam và sự giúp đỡ của các cơ quan liên quan, Công ty đã đạt được một số kết quả SXKD như sau:

#### 2. Kết quả SXKD:

| STT | Chỉ tiêu                                       | Thực hiện năm 2013 | Thực hiện năm 2014 |
|-----|--|--------------------|--------------------|
| 1   | <b>Nộp Ngân sách</b>                           | 25,263 tỷ          | 15,609 tỷ          |
| 2   | <b>GT SXCN</b>                                 | 116,577 tỷ         | 105,471 tỷ         |
| 3   | <b>Doanh thu</b>                               | 217,133 tỷ         | 131,990 tỷ         |
| 4   | <b>Sản lượng hiện vật:</b>                     |                    |                    |
|     | *Xút 32%                                       | 700 tấn            | 568 tấn            |
|     | *Chai nhựa                                     | 1.217.700 chai     | 0                  |
|     | *Nước giặt AVO                                 | 0                  | 26 tấn             |
|     | *NRC Shiny                                     | 0                  | 33 tấn             |
|     | *NRC Sunlight                                  | 15.000 tấn         | 11.599 tấn         |
|     | *SL Vim  | 4.562 tấn          | 5.439 tấn          |
|     | *Xà phòng thơm                                 | 2.478 tấn          | 2.547 tấn          |
|     | *Gia công khác (Rell; Goodbye, Ruba, Fivimart) | 170 tấn            | 662 tấn            |
| 5   | <b>Kim ngạch nhập khẩu</b>                     | 9,307 triệu USD    | 3,935 triệu USD    |
| 6   | <b>Lợi nhuận phát sinh</b>                     | -2,357 tỷ          | -5,727 tỷ          |
| 7   | <b>Lợi nhuận phân phối</b>                     | 0                  | 0                  |
|     | *Lợi nhuận chưa phân phối:                     |                    |                    |
|     | *Quỹ dự phòng tài chính 5%                     |                    |                    |
|     | *Quỹ ĐTPT                                      |                    |                    |
|     | *Quỹ khen thưởng 3%                            |                    |                    |

|           |                                     |                    |                 |
|-----------|-------------------------------------|--------------------|-----------------|
|           | <i>*Quỹ phúc lợi 2%</i>             |                    |                 |
|           | <i>*Lợi nhuận để lại năm sau</i>    | -41,866 triệu đồng | - 6,607 tỷ đồng |
| <b>8</b>  | <b>Cổ phiếu thưởng</b>              |                    |                 |
| <b>9</b>  | <b>Đầu tư xây dựng cơ bản</b>       | 7.184 tỷ           | 850 triệu       |
| <b>10</b> | <b>Thu nhập bình quân đầu người</b> | 5.377.000đ/ng      | 5.160.000đ/ng   |

### **3. Nhận xét đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014:**

#### **3.1 Công tác kỹ thuật sản xuất, ATVSLĐ và BVMT, PCCC:**

##### *\*Công tác sản xuất sản phẩm gia công*

Đây là năm thứ ba tại công ty đã sản xuất kinh doanh tại địa điểm mới. Tuy nhiên cũng như năm 2013 sản lượng sản xuất gia công mà bên đối tác Unilever Việt Nam giao cũng chỉ đạt 50% so với các năm trước nên hầu hết các dây chuyền thiết bị hoạt động chưa hết công suất.

Các dây chuyền sản xuất sản phẩm lỏng, sau nhiều lần hiệu chỉnh để hoàn thiện hơn thì đã hoạt động ổn định và có nhiều cải tiến hơn.

##### *\*Công tác tự sản xuất sản phẩm của công ty*

Hiện tại dây chuyền sản xuất chai nhựa loại chai Sunlight 900 ml cho Unilever vẫn ngừng sản xuất do phía Unilever không sử dụng chai nhựa loại HDPE mà chuyển sang chai PET.

Do việc gia công sản xuất tại các dây chuyền cho đối tác chưa hết công suất, nên công ty đã tiến hành sản xuất các loại sản phẩm mang thương hiệu riêng và đưa ra thị trường nhằm khôi phục lại các mặt hàng truyền thống trước đây. Công ty đã chính thức thành lập phòng bán hàng & marketing để tập trung vào việc phát triển các sản phẩm mới giảm dần phụ thuộc vào việc gia công sản phẩm cho đối tác. Đồng thời cũng tiến hành hoàn thiện quy trình công nghệ, mẫu mã sản phẩm bước đầu đã đưa 02 sản phẩm ra thị trường đó là nước giặt AVO và nước rửa chén SHINY.

Cùng với đó Công ty đang tiến hành sản xuất thử nghiệm xà phòng tắm mang nhãn hiệu AVO và xà phòng bánh sử dụng cho giặt quần áo bảo hộ. Các sản phẩm đang trong quá trình hoàn thiện bao bì, mẫu mã dự kiến năm 2015 sẽ đưa ra thị trường tiêu thụ.

##### *\*Công tác gia công cho đối tác khác*

Song song với việc gia công cho Unilever, Công ty cũng gia công thêm cho một số đối tác khác. Hiện tại các đối tác mới này đang triển khai các sản phẩm, qui mô của họ không lớn bằng Unilever nên sản lượng của họ cũng chưa được nhiều.

##### *\*Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm đã được thực hiện tốt*

##### *\*Công tác hiệu chuẩn, kiểm định được thực hiện tốt*

##### *\*Công tác hiệu chuẩn, kiểm định được thực hiện thường xuyên*

*\* Kiểm tra các thiết bị đo lường thử nghiệm, kiểm tra, kiểm định các thiết bị đo lường* thử nghiệm được kiểm định, kiểm tra bảo dưỡng định kỳ theo đúng các yêu cầu của pháp luật nhà nước. Toàn bộ công nhân vận hành thiết bị được học về an toàn lao động, được đào tạo và cấp thẻ mới theo đúng quy định.

##### *\*Công tác kiểm tra an toàn vệ sinh lao động, công tác bảo hộ lao động được thực hiện tốt.*

\*Công tác phòng chống cháy nổ, công tác an toàn: được thực hiện tốt.

\*Công tác môi trường

Công ty duy trì tốt hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất thải ra được thu gom và xử lý triệt để 100%. Chất lượng nước đầu ra đảm bảo các chỉ tiêu xả thải vào hệ thống xử lý của khu công nghiệp.

Hàng năm công ty phải thuê đơn vị có chức năng bên ngoài vào giám sát môi trường lao động, khí thải nước thải theo đúng báo cáo đánh giá tác động môi trường, định kỳ là 4 lần/năm. Tất cả các chỉ tiêu sau mỗi lần đánh giá, kiểm tra đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép.

\*Công tác bảo dưỡng sửa chữa:

Hiện tại tất cả các máy móc thiết bị đã hoạt động ổn định, việc tiến hành kiểm tra bảo dưỡng, hiệu chỉnh định kỳ đã được công ty xác định từ đầu năm và tuân thủ theo đúng kế hoạch. Kết quả đó đã minh chứng trong năm công ty không bị ảnh hưởng về việc không sản xuất đúng theo kế hoạch do máy móc thiết bị bị hỏng.

\*Công tác quản lý hệ thống chất lượng:

Công ty vẫn vận hành và duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Phân xưởng xà phòng thơm đã chính thức được cấp chứng chỉ GMP vì đây là sản phẩm nhóm 1 tương đương với các sản phẩm dược phẩm nên theo yêu cầu của luật pháp và của đối tác thì cần phải có chứng chỉ này. Đồng thời cũng thực hiện một chương trình giám sát theo yêu cầu của Unilever đó là BRC của hiệp hội bán lẻ hàng tiêu dùng của Anh. Tiêu chuẩn này bao gồm cả GMP, ISO nhưng có nhiều yêu cầu khắt khe hơn. Cùng với đó là việc tham gia đánh giá chứng nhận chương trình RS & SQA “đối tác có trách nhiệm và đảm bảo chất lượng”.

Khởi trực tiếp sản xuất thực hiện chương trình 5S, chương trình HACCP, đảm bảo, duy trì công tác vệ sinh nhà xưởng, tăng cường công tác kiểm tra và giám sát chất lượng sản phẩm. Nhờ đó không có sản phẩm sản xuất ra mắc lỗi nhiễm vi sinh, không có sản phẩm nào bị khách hàng trả lại và bị hủy bỏ do không đảm bảo chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng.

### **3.2 Công tác tài chính – kế toán:**

- **Về công tác tài chính:** Cân đối các nguồn vốn, ngoại tệ kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng hợp lý các nguồn vốn, đảm bảo tăng doanh thu tài chính, giảm chi phí lãi vay ngân hàng, tổ chức thu hồi các khoản nợ phải thu của Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh.

- **Về công tác kế toán:** Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát, nâng cao hiệu quả quản trị, tổ chức tốt việc đào tạo, cập nhật thông tin kế toán mới, áp dụng kịp thời chế độ tài chính kế toán mới vào đơn vị.

### **3.3 Công tác kế hoạch – thị trường:**

Đây là năm vẫn gặp nhiều khó khăn, giá cả hàng hóa biến động ảnh hưởng tới việc cung cấp mặt hàng nguyên liệu cho Unilever và khách hàng khác. Mặc dù gặp một số khó khăn nhưng được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Công ty cùng với sự nỗ lực của NVphòng KH – TT đã lập các kế hoạch cụ thể, chi tiết trong lĩnh vực kinh doanh để cung cấp cho các khách hàng ( nhất là LVN) kịp thời, đúng tiến độ. Cố gắng tìm kiếm nguồn hàng trong nước và hàng nhập khẩu để đáp ứng cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Cùng phối hợp với các phòng ban để thực hiện tốt mục tiêu chất lượng của Công ty, hưởng ứng tham gia tích cực phong trào tiết giảm chi phí của Tập đoàn hóa chất Việt Nam.

### ***3.4 Công tác tổ chức, cán bộ/Bộ phận Kho***

#### ***\* Công tác đào tạo, tiền lương:***

Đã tiến hành các khóa đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp định kỳ hàng năm.

Tiến hành đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, đồng thời cùng với các đơn vị khác ngoài công ty tiến hành các khóa đào tạo như: bồi dưỡng lý luận chính trị, đào tạo thông tin bảo mật cho các phòng ban, phân xưởng, an toàn và vận hành lò hơi...

Phối hợp với phía đối tác là công ty Unilever tiến hành các khóa đào tạo nâng cao kiến thức trong sản xuất như: các khóa học về phân tích các yếu tố rủi ro trong công việc...

#### ***\* Công tác đổi mới, sắp xếp nhân sự***

Thực hiện tuyển dụng mới 08 CBCNV chính thức của Công ty đáp ứng đủ nhân lực cho các phòng ban. Điều chuyển sắp xếp lao động trong các phân xưởng hợp lý, kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn ổn định.

#### ***\* Bộ phận Kho***

Đảm bảo đủ số lượng, an toàn hàng hóa trong kho.

Phản ánh kịp thời tình hình hàng hóa trước khi nhập, xuất kho. Xuất nhập hàng đúng số lượng theo kế hoạch, kịp thời cập nhật số liệu chứng từ liên quan.

### ***3.5 Công tác kinh doanh và phát triển sản phẩm mới***

***\* Chiến lược Marketing:*** đã có những định hướng sản phẩm đầu tiên, có kết quả nhất định trong phát triển sản xuất, kinh doanh.

***\* Hệ thống phân phối bán hàng:*** - Đã triển khai hệ thống phân phối, tuy nhiên các đối tác nhận phân phối đều mới triển khai sản phẩm nên chưa thực sự đem lại kết quả như kế hoạch đề ra.

- Hiện tại XPH triển khai hệ thống phân phối theo 3 bậc: phòng M&BH, NPP và NV Bán Hàng. Trong tháng 12 bắt đầu triển khai hệ thống nhân viên giám sát bán hàng tại khu vực. Tại thời điểm hiện tại khu vực, hệ thống nhân viên giám sát bán hàng đã và đang đem lại nhiều ưu thế và lợi ích cho hệ thống.

- Doanh số bán hàng năm 2014 chỉ đạt tại mức giới thiệu sản phẩm đến tay người tiêu dùng.

### ***3.7 Công tác đầu tư xây dựng***

Công ty đã mua thêm 01 xe oto bán tải phục vụ cho công việc đi bán hàng tại các tỉnh và nhà phân phối.

### ***3.8 Công tác sản xuất tại các phân xưởng:***

#### ***\* Phân xưởng Xà phòng thơm:***

Phân xưởng sản xuất được 2.547 Tấn sản phẩm loại 45g và 90g, không xảy ra sự cố mất an toàn lao động nguy hại tới sức khỏe của người lao động. Các chỉ tiêu điện, nước cho sản xuất thực hiện theo đúng định mức không có sản phẩm bị loại bỏ phải hồi công.

#### ***\* Phân xưởng cơ điện:***

Nhìn chung toàn bộ thiết bị trong Công ty đang hoạt động ở tình trạng tốt. Các hệ thống thiết bị được bảo dưỡng, kiểm tra theo kế hoạch đáp ứng nhu cầu sản xuất.



**\* Phân xưởng chất tẩy rửa:**

Phân xưởng sản xuất được 11.599 tấn Sunlight và 5.439 tấn SL Vim đều đạt chất lượng và đảm bảo các định mức tiêu hao về điện, nước, dầu theo quy định. Bố trí hợp lý kế hoạch sản xuất để tiết kiệm tối đa chi phí, giám sát chặt chẽ công tác an toàn hóa chất và bảo vệ môi trường. Luôn cập nhật thông tin kịp thời về vấn đề giao nhận hàng hóa, thay đổi kế hoạch sản xuất để đặt hàng và giao hàng kịp thời chính xác. Duy trì thực hiện, kiểm tra cải tiến 5S, VCS thường xuyên ở các kho và phân xưởng sản xuất.

**3.9 Công tác thi đua khen thưởng:**

**\* Công tác an toàn BHLĐ, vệ sinh môi trường, PCCC:**

- Công ty trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động tại các vị trí làm việc. Tất cả các CB CNV trong Công ty đều được kiểm tra sức khỏe định kỳ. Kết quả kiểm tra không có trường hợp lao động bị chuyển vị trí công tác do không đủ sức khỏe.
- Tiến hành kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động 100% theo đúng kế hoạch và tuân thủ các yêu cầu của Nhà nước trong việc sử dụng, quản lý các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Công nhân vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được đào tạo và cấp chứng chỉ 100%.
- Thực hiện tốt việc giám sát, kiểm tra và các biện pháp an toàn trong lao động sản xuất.
- Công ty đã thực hiện nhiều chương trình đào tạo lại cho CBCNV về an toàn môi trường lao động, PCCC và vệ sinh môi trường. Định kỳ đào tạo nhắc lại cho toàn bộ công nhân và công nhân thời vụ ngắn hạn về an toàn lao động, an toàn PCCC, an toàn hóa chất...

**\* Hoạt động công đoàn**

Ban lãnh đạo công ty và tổ chức Công đoàn luôn luôn tuân thủ các quy định của luật Lao động. Công ty thành lập đầy đủ các tổ chức, ban như hội đồng BHLĐ, hội đồng lương, nữ công ... Người lao động trong Công ty được trang bị đầy đủ BHLĐ theo đúng yêu cầu của luật lao động. Hàng năm công ty đều tổ chức phân tích các yếu tố rủi ro trong công việc tại các bộ phận nhằm xác định các yếu tố rủi ro tiềm tàng, phát sinh trong quá trình sản xuất và có phương pháp ngăn ngừa, phòng tránh rủi ro cho người lao động.

Công ty tuân thủ đúng luật và chế độ BHLĐ đối với người lao động, hàng năm người lao động được trang bị đầy đủ BHLĐ và các phương tiện bảo vệ cá nhân, định kỳ hàng năm người lao động được đào tạo nhận thức về ATLĐ, vệ sinh lao động, an toàn khi làm việc trên cao, an toàn cơ khí, an toàn khi làm việc trong bồn kín... Người lao động được nghỉ làm việc để tham gia các khóa đào tạo và được hưởng lương thời gian trong thời gian đó.

Đã thực hiện việc ký Thỏa ước lao động tập thể giữa đại diện ban chấp hành công đoàn mới và người chủ sử dụng lao động.

Không có tranh chấp lao động

Đã tổ chức tham quan nghỉ mát cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.



## PHƯƠNG HƯỚNG SXKD NĂM 2015

### 1. Chiến lược Marketing và phân phối hệ thống bán hàng

#### 1.1 Chiến lược Marketing

Năm 2015, Công ty xác định tập trung vào chiến lược nâng cao chất lượng sản phẩm với định hướng phục vụ khách hàng chuyên nghiệp, hiệu quả, tiết kiệm để tồn tại và phát triển trong giai đoạn cạnh tranh gay gắt. Triển khai các chương trình bán hàng trực tiếp đến tay người tiêu dùng, hỗ trợ cho các nhà phân phối. Tích cực quảng bá sản phẩm thông qua các phương tiện quảng cáo ngoài trời, băng rôn, tờ rơi và các kênh siêu thị có uy tín trên thị trường. Đẩy mạnh hơn nữa xây dựng uy tín thương hiệu Xà phòng Hà Nội với người tiêu dùng.

#### 1.2 Hệ thống phân phối bán hàng

Với việc định hướng tập trung vào thị trường, Công ty bước đầu đã mở rộng số lượng các nhà phân phối. Xây dựng hệ thống nhân viên bán hàng chuyên nghiệp, hỗ trợ trực tiếp nhà phân phối để đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng.

Mục tiêu trong năm xây dựng 38 NPP số lượng siêu thị có hệ thống là 8NPP.

**2. Công tác tổ chức cán bộ:** Công ty cơ cấu sắp xếp lại lao động, tuyển dụng nhân lực có chất lượng, điều chuyển lao động, nhằm tăng cường nhân lực cho Marketing và bán hàng đáp ứng nhu cầu phát triển mới.

### 3. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015:

- Nộp ngân sách : 14.680 tỷ.
- GTSXCN đạt : 42.113 tỷ.
- Doanh thu đạt : 143.161 tỷ.
- Sản lượng hiện vật:
  - + Xút lỏng : 90 tấn.
  - + Xà phòng thơm : 2.500 tấn.
  - + Nước rửa chén SNINY: 300 tấn.
  - + Nước giặt AVO : 250 tấn.
  - + Gia công khác : 900 tấn.
- Tài chính:
  - + Lợi nhuận phát sinh : 2.032 tỷ
- Đầu tư XDCB : tỷ
- Lao động tiền lương:
  - + Thu nhập bình quân phần đầu tăng so với năm 2014.
- Dự kiến lợi nhuận chia cổ tức: 0 %

### 3. Các biện pháp để thực hiện các mục tiêu đề ra

**3.1 Chuẩn bị tốt các nguồn lực** lập phương án, cơ cấu sắp xếp lại lao động trong Công ty có hiệu quả để đảm bảo phục vụ tốt sản xuất và đạt mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh .

**3.2 Thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, GMP, vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng BRC và hướng tới vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22716.** Chú trọng công tác đào tạo và đưa các chương trình quản lý mới vào áp dụng nhằm sự thỏa mãn nhu cầu của khách hàng và giảm tối đa các chi phí khác.

**3.3 Công tác bảo dưỡng thiết bị** phải được duy trì và thực hiện thường xuyên, đầy đủ để thiết bị máy móc luôn luôn sẵn sàng phục vụ sản xuất của Công ty.

**3.4 Các phòng ban trong công ty** cần tăng cường bám sát tình hình sản xuất của các phân xưởng, kịp thời phát hiện những khó khăn vướng mắc và đề xuất các giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho các phân xưởng góp phần đẩy mạnh SXKD.

**3.5 Triển khai sản xuất đại trà các sản phẩm mang thương hiệu của Công ty** để đưa ra tiêu thụ trên thị trường. Xây dựng thị trường và hệ thống các kênh phân phối, đồng thời phát triển hệ thống phân phối chuyên nghiệp và mở rộng thị trường chuyên sâu.

**3.6 Các phân xưởng sản xuất an toàn, tiết kiệm giảm tiêu hao điện, nước so với định mức.** Duy trì hiệu quả an toàn đã đạt được giảm tối đa số lần nhiễm vi sinh, môi trường.

**3.7 Chuẩn bị tốt các nguồn tài chính** để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Đẩy mạnh công tác Marketing và bán hàng, áp dụng mô hình quản lý hiện đại thích hợp với các phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh mới.

Tập trung tất cả nguồn lực của Công ty để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong sản xuất kinh doanh và phát triển sản phẩm mới.

  
**TRƯƠNG VĂN MINH**

## IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO CÔNG TY NĂM 2014 VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2015

#### Kính trình: Đại hội đồng cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị công ty, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 về công tác quản lý, chỉ đạo công ty của Hội đồng quản trị năm 2014 và nhiệm vụ năm 2015 như sau:

#### I- HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014:

##### 1- Cơ cấu tổ chức, số cổ phần sở hữu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội hiện tại gồm có 05 thành viên, trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 01 người, ông Phạm Văn Chương, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Thành viên HĐQT kiêm điều hành: 04 người, gồm: Trương Văn Minh Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty; ông Lê Hải Sơn, ủy viên HĐQT Kế toán trưởng Công ty; ông Lê Hồng Sơn, ủy viên Hội đồng quản trị Trưởng phòng Tổ chức hành chính và ông Đào Nguyên Du, ủy viên HĐQT, Trưởng phòng kỹ thuật Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị sở hữu, đại diện cổ phần của công ty như sau:

| STT | HỌ TÊN          | CHỨC VỤ TRONG HĐQT | SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU/ĐẠI DIỆN<br>đến 31/12/2014 |
|-----|-----------------|--------------------|--|
| 1   | Phạm Văn Chương | CHỦ TỊCH           | 3.891.744                                    |
| 2   | Trương Văn Minh | ỦY VIÊN            | 3.243.118+16.083                             |
| 3   | Lê Hồng Sơn     | ỦY VIÊN            | 3.243.118 +26.288                            |
| 4   | Lê Hải Sơn      | ỦY VIÊN            | 7. 986                                       |
| 5   | Đào Nguyên Du   | ỦY VIÊN            | 0  |

Trong năm 2014, Công ty không có biến động về cơ cấu tổ chức và nhân sự cấp cao của Công ty:

+ Ban Điều hành gồm

Ông Trương Văn Minh  
Bà Lê Diệu Thúy

Giám đốc  
Phó Giám đốc

- Trong năm, các thành viên Hội đồng quản trị không mua thêm hoặc bán bớt số cổ phần của cá nhân nắm giữ tại Công ty.

## **2- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành:**

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị công ty đã tiến hành 08 phiên họp, ban hành 08 nghị quyết và 10 quyết định để quản lý, chỉ đạo hoạt động của công ty trong các lĩnh vực khác nhau.

## **3- Công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị:**

- Hoạt động quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của công ty theo quy định của pháp luật.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị thực hiện đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến công tác điều hành của Ban giám đốc. Hoạt động quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong năm 2014 được thể hiện trong các lĩnh vực chính sau đây:

### ***a) Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh:***

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị luôn theo dõi và giám sát hoạt động của công ty về mọi mặt; nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế.

Cùng với việc điều chỉnh các chỉ tiêu, Hội đồng quản trị đã đưa ra các định hướng phát triển nhằm tạo sự phát triển bền vững của công ty.

Tuy nhiên, trong tình hình khó khăn do Unilever không thực hiện nhập vật tư đúng tiến độ, lượng vật tư lưu kho lớn, kéo dài làm giảm hiệu quả kinh doanh thương mại. Về chủ quan, Ban điều hành Công ty đã không chủ động, chưa tuân thủ nghiêm túc nghị quyết Hội đồng quản trị nên kết quả kinh doanh Thương mại chưa cao.

Về Sản xuất sản phẩm của Công ty và gia công sản phẩm cho Unilever, năm 2014 Công ty chưa đưa ra được giải pháp hiệu quả về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Sản phẩm của Công ty sản xuất ra vẫn chưa tiêu thụ tốt mặc dù Bộ phận bán hàng đã có nhiều cố gắng. Riêng phần gia công cho Unilever không đảm bảo đủ tiền lương và khấu hao.

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2014. so Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 ( KH được đại hội cổ đông thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2014 ).

| TT | Chỉ tiêu                         | Đơn vị tính | Kế hoạch SXKD năm 2014 | Thực hiện | TH/KH (%) |
|----|----------------------------------|-------------|------------------------|-----------|-----------|
| 1  | Tổng doanh thu<br>Trong đó:      | Triệu đồng  | 282.468                | 131.990   | 46,72     |
|    | - Hoạt động sản xuất và Gia công | Triệu đồng  |                        | 12.500    |           |
|    | - Hoạt động Thương mại           | Triệu đồng  |                        | 117.569   |           |
|    | - Hoạt động dịch vụ              | Triệu đồng  |                        | 1.921     |           |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế             | Triệu đồng  | 2.357                  | (5.727)   |           |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN   | Triệu đồng  |                        | (5.988)   |           |
| 4  | Đầu tư XDCB                      | Triệu đồng  | 1.500                  | 850       | 56,67     |

Kết quả SXKD năm 2014 đều đạt thấp hơn so với năm 2013 cụ thể:

| TT | Chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Kết quả SXKD năm 2013 | Kết quả SXKD năm 2014 | So sánh thực hiện năm 2014/2013 |
|----|----------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------|
| 1  | Tổng doanh thu       | Triệu đồng  | 217.133               | 131.990               | 61%                             |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng  | ( 2.357 )             | (5.727)               |                                 |
| 3  | Đầu tư XDCB          | Triệu đồng  | 7.184                 | 850                   | 12%                             |

***b) Trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng cơ bản:***

Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản của công ty được Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá một cách cẩn trọng; trình tự, thủ tục thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã thông qua các vấn đề sau đây:



- Hoàn thiện hồ sơ phê duyệt dự án đầu tư hoàn thành đối với Dự án di dời nhà máy từ 233B Nguyễn Trãi về khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, Hà Nội. Tổng giá trị phê duyệt dự án hoàn thành là 103,5 tỷ, thấp hơn mức phê duyệt dự toán (133,8 tỷ) là 30,3 tỷ đồng.

- Thông qua chủ trương xây dựng nhà văn phòng và giới thiệu sản phẩm của Công ty Công ty tại 314,316,318 Nguyễn Trãi thanh xuân Hà Nội; đã giao cho Giám đốc tổ chức thực hiện xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng tại địa điểm trên và triển khai thủ tục để tiến hành đầu tư theo quy định.

- Công ty có mua một xe ô tô bán tải phục vụ cho SXKD.

***c) Trong lĩnh vực tổ chức nhân sự và bộ máy quản lý:***

- Công tác tổ chức bộ máy quản lý của công ty tiếp tục được kiện toàn, đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp của công ty đại chúng.

- Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã yêu cầu Giám đốc Công ty rà soát xây dựng phương án cơ cấu lại lao động khi dừng Hợp đồng gia công với Unilever.

- Đã triển khai xây dựng, ban hành mới một số quy chế, quy định, quyết định điều chỉnh các mặt hoạt động của công ty làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, quản lý.

***d) Trong lĩnh vực tài chính:***

- Tình hình tài chính của công ty được Hội đồng quản trị kiểm soát chặt chẽ. Năm 2014, Hội đồng quản trị đã xem xét và quyết định tổng hạn mức vốn vay huy động phục vụ sản xuất kinh doanh phù hợp với yêu cầu SXKD.

- Công ty TNHH tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của công ty.

***đ) Trong lĩnh vực quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác:***

- Công ty có phần vốn góp tại Công ty cổ phần Bất động sản Xavinco. Phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác được công ty quản lý thông qua người đại diện. Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời tình hình công ty cổ phần Xavinco, chỉ đạo cho người đại diện thực hiện chỉ đạo của Công ty.

- Trong năm 2014, ông Trương Văn Minh vẫn tiếp tục làm người đại diện phần vốn của công ty tại Công ty cổ phần Xavinco.

**4- Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị:**

Bên cạnh công tác quản lý, chỉ đạo, hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng được tăng cường, đảm bảo cho hoạt động của công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

**a) Đối với Ban giám đốc:**

Ban giám đốc đã thực hiện đúng theo định hướng phát triển và các chỉ tiêu kế hoạch của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên do có nhiều khó khăn khách quan và chủ quan, Ban điều hành đã không thực hiện được kế hoạch lợi nhuận, doanh thu năm 2014.

- Trong điều hành hoạt động kinh doanh, Ban giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, cố gắng nghiên cứu để tăng khối lượng sản phẩm sản xuất tuy nhiên đến cuối năm 2014, vẫn chưa có chuyển biến đáng kể nào.

- Công tác phát triển thị trường còn yếu.

- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban giám đốc kiểm soát chặt chẽ. Tuy nhiên trong các Hợp đồng kinh doanh, Ban điều hành đã có thiếu sót dẫn đến kinh doanh thương mại kém hiệu quả ví dụ như việc ký Hợp đồng mua nguyên liệu không ràng buộc chặt chẽ khi hàng không đảm bảo chất lượng không đủ ràng buộc để phạt hoặc đòi bồi thường Hợp đồng, gây thiệt hại cho công ty.

- Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, thưởng, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Chấp hành tốt các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình điều hành công ty.

**b) Đối với người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác:**

Người đại diện phần vốn của công ty tại các doanh nghiệp do công ty chiếm giữ 51% vốn điều lệ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật và của công ty.

Với vai trò lãnh đạo công ty con, người đại diện phần vốn của công ty tại Công ty Xavinco đã kiểm soát được hoạt động của Công ty và có báo cáo về HĐQT.

**5. Thù lao HĐQT:**

HĐQT đã được công ty chi trả thù lao năm 2014 đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

| STT | CHỨC DANH                                  | SỐ NGƯỜI | MỨC THÙ LAO<br>Đồng/năm |
|-----|--|----------|-------------------------|
| 1   | Thù lao của HĐQT                           | 5        | 132.000.000             |
| 2   | Thù lao của Ban kiểm soát                  | 3        | 60.000.000              |
| 3   | Lương, thưởng và thu nhập của Ban Giám đốc | 2        | 439.490.727             |

**Tương ứng mức thù lao của các thành viên:**

- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng
- Ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng

**II- NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015:****1. Đề xuất kế hoạch SXKD năm 2015:****1.1 Về Sản xuất kinh doanh:**

| STT | CHỈ TIÊU            | Đơn vị tính | KẾ HOẠCH NĂM 2015 |
|-----|---------------------|-------------|-------------------|
| 1   | Tổng Doanh thu      | Triệu đồng  | 107.305.000       |
| 2   | Lợi nhuận phát sinh | Triệu đồng  | 32                |
| 3   | Đầu tư XD cơ bản    | Triệu đồng  | 1.800             |

**1.2. Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát: Giữ nguyên như mức năm 2014 cụ thể:**

| STT | CHỨC DANH                 | SỐ NGƯỜI | MỨC THÙ LAO<br>Đồng/năm |
|-----|---------------------------|----------|-------------------------|
| 1   | Thù lao của HĐQT          | 5        | 132.000.000             |
| 2   | Thù lao của Ban kiểm soát | 3        | 60.000.000              |

**2. Các giải pháp thực hiện:**

2.1. Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của công ty nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp của công ty đại chúng; chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty (dự kiến quy hoạch bổ nhiệm Phó giám đốc kinh doanh để tăng cường cho công tác kinh doanh).

2.2. Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghiên cứu thị trường tăng cường sản xuất tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu của Công ty để công ty hồi sinh, trụ vững và phát triển.

2.3. Theo dõi sát diễn biến của chính sách tiền tệ, tiếp tục thực hiện kinh doanh thương mại hiệu quả.

2.4. Xem xét, đánh giá kỹ dự án đầu tư, xây dựng cơ bản trước khi triển khai nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc thực hiện dự án, phát huy tốt nhất việc sử dụng đồng vốn.

2.5. Tiếp tục kiện toàn các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2.6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ; đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn tay nghề cao gắn bó làm việc lâu dài với Công ty.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý, chỉ đạo công ty năm 2014 và nhiệm vụ năm 2015.

Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CƠ PHÂN  
XÃ PHÒNG  
HÀ NỘI  
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI  
Phạm Văn Chương



## V. Quản trị công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN XÀ  
PHÒNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 73 XPHN -HDQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2014

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY (6 tháng đầu năm 2014)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tên công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội
- Địa chỉ trụ sở chính: 233B Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
- Điện thoại: 04.3587051 Fax: 04.38584486 Email:
- Vốn điều lệ: 129.724.750.000 VND
- Mã chứng khoán (nếu có): cổ phiếu Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội

#### I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2014):

##### 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

| Stt | Thành viên HĐQT     | Chức vụ HĐQT | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|---------------------|--------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1   | Ông Phạm Văn Chương | Chủ tịch     | 3                   | 100%  |                     |
| 2   | Ông Trương Văn Minh | Ủy viên      | 3                   | 100%  |                     |
| 3   | Ông Lê Hồng Sơn     | Ủy viên      | 3                   | 100%  |                     |
| 4   | Ông Lê Hải Sơn      | Ủy viên      | 3                   | 100%  |                     |
| 5   | Ông Đào Nguyên Du   | Ủy viên      | 3                   | 100%  |                     |

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc): Hội đồng quản trị giám sát thông qua nghị quyết và thực hiện nghị quyết của HĐQT và hệ thống quy chế quy định của Công ty.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

#### II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2014):

| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày      | Nội dung  |
|----|---------------------------|-----------|---|
| 1  | Số: 08/NQ-HDQT            | 28/3/2014 | 1-Thông qua báo cáo tài chính năm 2013, Kế hoạch SXKD 2014.<br>2-Hoàn thiện hồ sơ quyết toán dự án di dời nhà máy vào ngày 02/4/2014 yêu cầu đồng chí Giám đốc trình HĐQT phê duyệt.<br>3-Thông qua việc kiểm điểm, đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc bằng văn bản.<br>4-Thông qua việc thành lập phòng Marketing và Bán hàng giao cho đồng chí Giám đốc hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của phòng.<br>5-Thống nhất chương trình Đại hội cổ đông, ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 26/4/2014. |
| 2  | Số:25 /NQ-HDQT            | 28/4/2014 | 1-Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014. Một số chỉ  |



|    |                       |             | <p>tiêu chính:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Chi tiêu</th> <th>Đơn vị tính</th> <th>Kết quả SXK năm 2013</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Tổng doanh thu</td> <td>triệu đồng</td> <td>217.133</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>triệu đồng</td> <td>(2.357)</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Đầu tư XD CB</td> <td>triệu đồng</td> <td>7.184</td> </tr> </tbody> </table> <p>2-Thông qua báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2013.<br/> 3-Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2013.<br/> 4-Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH thuế và kiểm toán AVINA là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014.<br/> 5-Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2013 và kế hoạch dự kiến chi trả cổ tức năm 2014.<br/> 6-Thông qua mức thù lao hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2014. Cụ thể:</p> <p style="text-align: center;"><b>Mức thù lao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/ tháng</li> <li>- Thành viên HĐQT: 2.000.000 đồng/ tháng</li> <li>- Trưởng Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/ tháng</li> <li>- Thành viên Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/ tháng</li> </ul> <p>7-Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.</p> | TT | Chi tiêu | Đơn vị tính | Kết quả SXK năm 2013 | 1 | Tổng doanh thu | triệu đồng | 217.133 | 2 | Lợi nhuận trước thuế | triệu đồng | (2.357) | 3 | Đầu tư XD CB | triệu đồng | 7.184 |
|----|-----------------------|-------------|--|----|----------|-------------|----------------------|---|----------------|------------|---------|---|----------------------|------------|---------|---|--------------|------------|-------|
| TT | Chi tiêu              | Đơn vị tính | Kết quả SXK năm 2013   |    |          |             |                      |   |                |            |         |   |                      |            |         |   |              |            |       |
| 1  | Tổng doanh thu        | triệu đồng  | 217.133  |    |          |             |                      |   |                |            |         |   |                      |            |         |   |              |            |       |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế  | triệu đồng  | (2.357)  |    |          |             |                      |   |                |            |         |   |                      |            |         |   |              |            |       |
| 3  | Đầu tư XD CB          | triệu đồng  | 7.184  |    |          |             |                      |   |                |            |         |   |                      |            |         |   |              |            |       |
| 3  | Số:<br>09/NQ-<br>HĐQT | 27/7/2014   | <p>1. Nhất trí thông qua Báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2014; Kế hoạch và giải pháp thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2014.<br/> 2. Nhất trí phê duyệt Quyết toán hoàn thành đối với Dự án di chuyển sản xuất Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội đến Khu công nghiệp Thạch Thất-Quốc Oai, Hà nội như tờ trình của Giám đốc.<br/> 3. Nhất trí yêu cầu Ông Trương Văn Minh, Giám đốc công ty - Người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội tại Công ty cổ phần Bất động sản XAVINCO giải trình và chịu trách nhiệm đối với việc biểu quyết đồng ý để XAVINCO cho Vingroup vay; bảo lãnh, tín chấp cho khoản vay của Vingoup khi chưa được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội chấp thuận;<br/> 4. Nhất trí thông qua Dự thảo và Ban hành lại Quy chế tài chính của Công ty.<br/> 5. Nhất trí thông qua dự thảo và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ;<br/> 6. Nhất trí thông qua dự thảo và ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị.<br/> 7. Nhất trí thông qua các chỉ tiêu SXKD chủ yếu theo định hướng 3 năm 2015, 2016, 2017 qua một số chỉ tiêu:</p>  |    |          |             |                      |   |                |            |         |   |                      |            |         |   |              |            |       |


  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÀ PHÒNG HÀ NỘI**



| Chi tiêu             | Năm 2015 | Năm 2014 |
|----------------------|----------|----------|
| Doanh thu            | 284,000  | 298,200  |
| Lợi nhuận trước thuế | 2,000    | 11,000   |
| Dự kiến cổ tức       | 0%       | 6%       |

8. Nhất trí thông qua dùng quyền sử dụng đất tại Lô CN 3.2-Khu Công nghiệp Thạch Thất-Quốc Oai, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất và Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội thế chấp tại Ngân hàng HSBC chi nhánh Hà nội và Ủy quyền cho Ông: Trương Văn Minh (số CMND/Hộ chiếu số: 011361822 do Công an Hà nội cấp ngày 11/06/2009) là Giám đốc Công ty được nhân danh Công ty ký kết Các tài liệu giao dịch và thực hiện bất cứ sửa đổi các Tài liệu giao dịch mà ông Minh thấy hợp lý và cần thiết, kể cả việc ký tài liệu bổ sung cần thiết để hoàn tất Giao dịch với Ngân Hàng phục vụ cho SXKD của HASO (theo biên bản chi tiết lập theo mẫu của Ngân hàng HSBC kèm theo).

9. Nhất trí thông qua việc xử lý tài chính đối với Kết luận Thanh tra Thuế ngày 7/01/2014 của Cục thuế thành phố Hà Nội với số tiền truy thu: 1.219.167.462 đồng cụ thể:  
+ Khoản miễn giảm thuế theo thông tư 03/2009/TT-BTC, khi được miễn giảm Công ty không chia cổ tức mà dùng tăng Quỹ đầu tư phát triển do vậy, khi nộp lại, HĐQT thống nhất hạch toán trừ vào Quỹ đầu tư phát triển số tiền: 541.316.067 đồng  
+ Số tiền còn lại: 677.851.395, do tính thêm thuế TNDN và lãi phạt thuế từ năm 2009 đến 2012, để không ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hiện tại, Hội đồng quản trị thống nhất dùng Quỹ dự phòng tài chính đã được trích trong giai đoạn 2009 đến 2012 để bù đắp.

10. Nhất trí thông qua việc cơ cấu lại tổ chức, và sắp xếp lại nhân sự phòng KH-TT: Vị trí TP. KH-TT thời gian thực hiện 01/8/2014;

11. Nhất trí giao cho Giám đốc Công ty sớm xây dựng và ban hành định mức hao hụt vật tư hàng hóa trong kinh doanh.

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm): **Không**

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2014): **Không**

V. Các vấn đề cần lưu ý khác (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2014) : **Không**.

Chủ tịch HĐQT  
(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Văn Chương

CÔNG TY CỔ PHẦN XÀ  
PHÒNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09 /XPHN -HDQT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2015

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
(6 tháng cuối năm 2014)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tên công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội  
- Địa chỉ trụ sở chính: 233B Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội – Việt Nam  
- Điện thoại: 04.3587051 Fax: 04.38584486 Email:  
- Vốn điều lệ: 129.724.750.000 VND  
- Mã chứng khoán (nếu có): cổ phiếu Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội

**I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng cuối năm 2014):**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

| Stt | Thành viên HDQT     | Chức vụ HDQT | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|---------------------|--------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1   | Ông Phạm Văn Chương | Chủ tịch     | 5                   | 100%  |                     |
| 2   | Ông Trương Văn Minh | Ủy viên      | 5                   | 100%  |                     |
| 3   | Ông Lê Hồng Sơn     | Ủy viên      | 5                   | 100%  |                     |
| 4   | Ông Lê Hải Sơn      | Ủy viên      | 5                   | 100%  |                     |
| 5   | Ông Đào Nguyên Du   | Ủy viên      | 5                   | 100%  |                     |

2. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc): Hội đồng quản trị giám sát thông qua nghị quyết và thực hiện nghị quyết của HDQT và hệ thống quy chế quy định của Công ty.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

**II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng cuối năm 2014):**

| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày      | Nội dung   |
|----|---------------------------|-----------|--|
| 1  | Số: 11 /NQ- HDQT          | 12/8/2014 | - Thông qua và ban hành Quy chế quản trị công ty.  |
| 2  | Số: 12/NQ- HDQT           | 12/9/2014 | - Nhất trí giao cho Giám đốc tìm biện pháp giảm hàng tồn kho và đàm phán với UNILEVER mua hết lượng hàng theo kế hoạch.<br>- Giao cho Giám đốc chỉ đạo các phòng ban, tìm thêm nhà cung ứng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu của công ty.<br>- Nhất trí phê duyệt hạn mức vay vốn phục vụ cho SXKD:<br>+ Ngân hàng HSBC: 1 triệu USD/năm<br>+ Ngân hàng Citibank: 3 triệu USD/năm<br>+ Ngân hàng Indovinabank: 20 tỷ VNĐ/năm.<br>- Nhất trí thông qua giải pháp đàm phán gia công sản phẩm lỏng với UNILEVER. |



|   |                       |            |  |
|---|-----------------------|------------|--|
|   |                       |            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhất trí yêu cầu Giám đốc hoàn thiện trình tự thủ tục mua máy thổi chai nhựa theo đúng quy định pháp luật.</li> <li>- Nhất trí yêu cầu người đại diện vốn tại công ty cổ phần Bất động Sản XAVINCO thực hiện đúng quy chế quản lý người đại diện vốn.</li> </ul>  |
| 3 | Số:<br>13/BB-<br>HDQT | 18/9/2014  | - Thông qua việc mua bảo hiểm cháy nổ tại 3 kho: Thái tôn, Mé không, 216 trị giá 33 tỷ.  |
| 4 | Số:<br>14/BB-<br>HDQT |            | - Nhất trí thông qua: Kế hoạch, nội dung đàm phán về gia công sản phẩm lòng với UNILVER sau khi hết hợp đồng vào ngày 31/01/2015.  |
| 5 | Số:<br>15/BB-<br>HDQT | 12/12/2014 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhất trí phê duyệt báo cáo đầu tư dự án mua 01 xe ô tô bán tải để phục vụ SXKD.</li> <li>- Giao cho giám đốc lập phương án SXKD sau khi chấm dứt hợp đồng gia công sản phẩm lòng với UNILVER.</li> <li>- Yêu cầu giám đốc giải quyết dứt điểm các kiến nghị của kiểm toán nhà nước.</li> <li>- Yêu cầu giám đốc có giải pháp giải quyết hàng Soda light, Soad Ash den tồn kho, kém chất lượng không bán được cho UNILVER để giảm thiệt hại, thu hồi vốn cho công ty.</li> <li>- Đề nghị giám đốc xem xét lại các điều kiện ký hợp đồng vận tải với Công ty TNHH Hoàng Tuấn ( là con trai bà Đỗ Thúy Ngọc – Thành viên Ban kiểm soát ) theo kiến nghị của kiểm toán nhà nước vi phạm Luật Doanh nghiệp.</li> </ul> |

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng cuối năm): **Không**

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (Báo cáo 6 tháng cuối năm 2014): **không**.

V. Các vấn đề cần lưu ý khác (Báo cáo 6 tháng cuối năm 2014) : **Không**.

- Cổ phiếu của Công ty đã niêm yết trên sàn Up. Com từ ngày 25/11/2015;

Chủ tịch HĐQT

(Ký và đóng dấu)



Văn Chương

## **VI. Báo cáo của Ban kiểm soát**

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại luật doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội đã được Đại hội cổ đông thông qua, thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao. Ban Kiểm soát xin báo cáo trình đại hội cổ đông kết quả hoạt động của ban kiểm soát trong năm 2014 như sau:

#### **I. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2014**

Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, có ý kiến đóng góp trong phạm vi, quyền hạn, chức năng theo điều lệ quy định.

Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo Điều lệ của Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, cụ thể:

- Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2014.
- Báo cáo tài chính năm 2014, nhập – xuất – tồn kho hàng hóa thành phẩm và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định;
- Các công tác khác.

Trong năm 2014 Ban Kiểm soát đã tổ chức kiểm tra để kiểm điểm nội dung hoạt động theo nhiệm vụ được giao.

#### **II. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT và ban điều hành công ty năm 2014.**

##### **1. Hoạt động của Hội đồng quản trị.**

Hội đồng quản trị của công ty gồm 5 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm (có nhiệm kỳ 5 năm).

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp thường kỳ và đột xuất để kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch công tác trong kỳ, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của từng kỳ, và đề ra chương trình hoạt động tiếp theo thống nhất ý kiến bằng văn bản triển khai nghị quyết của ĐHCĐ năm 2014 và các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Về thể thức nội dung các cuộc họp các Quyết nghị, Quyết định và văn bản HĐQT ban hành đã kịp thời phù hợp với luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2014 đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ qui định tại luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và thống nhất các nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2014 như báo cáo của HĐQT.

## **2. Hoạt động của ban điều hành.**

Ban điều hành đã triển khai các nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh, đã bám sát các nội dung chủ trương của HĐQT theo các văn bản chỉ đạo, nghị quyết HĐQT đề ra nhưng do tình hình thị trường không thuận lợi nên đã không hoàn thành chỉ tiêu về lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao .

## **III. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh, tài chính và đầu tư trong năm 2014 của Công ty.**

### **1. Kết quả hoạt động kinh doanh , và báo cáo tài chính năm 2014**

*a. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh.*

#### **Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014:**

| <b>STT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>            | <b>Kế hoạch năm 2014</b> | <b>Thực hiện năm 2014</b> |
|------------|----------------------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>1</b>   | <b>Nộp Ngân sách</b>       | 29.221 tỷ                | 15.609 tỷ                 |
| <b>2</b>   | <b>GT SXCN</b>             | 118.720 tỷ               | 105.471 tỷ                |
| <b>3</b>   | <b>Doanh thu</b>           | 282.468 tỷ               | 131.990 tỷ                |
| <b>4</b>   | <b>Sản lượng hiện vật:</b> |                          |                           |
|            | <i>*Xút 32%</i>            | 500 tấn                  | 568 tấn                   |
|            | <i>*Chai nhựa</i>          | 1,32 triệu chai.         | không                     |
|            | <i>*NRC Sunlight</i>       | 12.000 tấn               | 11.599 tấn                |
|            | <i>*SL Vim</i>             | 4.500 tấn                | 5.439 tấn                 |
|            | <i>*Xà phòng thơm</i>      | 2.500 tấn                | 2.547 tấn                 |
|            | <i>*NRC SHINY</i>          | 240 tấn                  | 33 tấn                    |
|            | <i>*Nước giặt AVO</i>      | 879 tấn                  | 26 tấn                    |

|          |                                     |                      |                      |
|----------|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
|          | <i>*Giacôngkhác(Rell; Goodbye)</i>  | 160 tấn              | 662 tấn              |
| <b>5</b> | <b>Kim ngạch nhập khẩu</b>          | 9.493 triệu USD      | 3.935 triệu USD      |
| <b>6</b> | <b>Lợi nhuận phát sinh</b>          | 2,357 tỷ             | - 5,727 tỷ           |
|          | <i>*Lợi nhuận để lại năm sau</i>    | 0                    | - 6,607 tỷ           |
| <b>7</b> | <b>Cổ tức</b>                       | 0                    | 0                    |
| <b>8</b> | <b>Đầu tư xây dựng cơ bản</b>       | 1,5 tỷ               | 850 triệu            |
| <b>9</b> | <b>Thu nhập bình quân đầu người</b> | 5.645.000 đồng/người | 5.160.000 đồng/người |

*b.Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2014.*

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH tư vấn Thuế, Kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC.

Trên cơ sở thẩm định báo cáo tài chính theo các khía cạnh trọng yếu, Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH tư vấn Thuế, Kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC. Báo cáo tài chính đã kiểm toán phản ánh hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2014, phù hợp với các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

\*Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của Công ty.

*Đơn vị tính: đồng*

| <b>Nội dung</b>               | <b>Tại thời điểm<br/>01/01/2014</b> | <b>Đến 31/12/2014</b> |
|-------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| <b>HÀNG TỒN KHO</b>           | <b>33.489.848.284</b>               | <b>24.577.871.326</b> |
| <i>Hàng mua đang đi đường</i> | <i>1.501.847.320</i>                |                       |
| <i>Nguyên liệu, vật liệu</i>  | <i>768.791.320</i>                  | <i>1.639.556.421</i>  |
| <i>Công cụ, dụng cụ</i>       | <i>30.395.924</i>                   | <i>52.620.163</i>     |
| <i>Thành phẩm</i>             | <i>116.383.576</i>                  | <i>319.532.938</i>    |
| <i>Hàng hoá</i>               | <i>30.258.187.681</i>               | <i>22.566.341.804</i> |
| <i>Hàng gửi bán</i>           | <i>814.242.718</i>                  |                       |

|   |                        |                        |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Dự phòng GG hàng tồn kho</i>   |                        | 76.695.895             |
| <b>Giá trị thuần của hàng hoáTK</b>   | <b>33.489.848.284</b>  | <b>24.501.175.431</b>  |
| <b>CÁC KHOẢN PHẢI THU</b>   | <b>225.095.453</b>     | <b>287.988.299</b>     |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TÀI SẢN</b>  | <b>76.262.049.796</b>  | <b>69.554.613.449</b>  |
| <i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>   | 49.317.091.671         | 46.494.643.834         |
| <i>Máy móc thiết bị</i>   | 22.105.259.797         | 18.200.669.963         |
| <i>Phương tiện vận tải</i>  | 4.711.037.594          | 4.780.047.960          |
| <i>Dụng cụ quản lý</i>  | 128.660.734            | 79.851.692             |
| <b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ XD DỒ DANG</b>  |                        |                        |
| <i>Dự án NM tại Mê Linh</i>   | 100.000.000            | 100.000.000            |
| <i>Dự án VP 316-318 Nguyễn Trãi</i>   | 301.831.448            | 301.831.448            |
| <i>Dây chuyền sản xuất can nhựa</i>   | 5.453.427.134          | 5.785.681.091          |
| <b>CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TC DÀI HẠN</b>  | <b>71.250.000.000</b>  | <b>71.250.000.000</b>  |
| <i>Công ty BĐS Xa vinco( Chiếm 3,6% vốn điều lệ, số lượng CP 7.125.000)</i> | 71.250.000.000         | 71.250.000.000         |
| <b>CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CSH</b>  | <b>129.724.750.000</b> | <b>129.724.750.000</b> |
| <i>Vốn góp của nhà nước</i>   | 103.780.300.000        | 103.780.300.000        |
| <i>Vốn góp của đầu tư khác</i>  | 25.944.450.000         | 25.944.450.000         |
| <b>CÁC QUỸ</b>  | <b>96.791.388.260</b>  | <b>95.582.220.798</b>  |
| <i>Đầu tư phát triển</i>  | 95.474.903.400         | 94.817.642.009         |
| <i>Dự phòng tài chính</i>   | 1.316.484.860          | 754.578.789            |

\* Các chỉ tiêu chủ yếu về tài sản và nguồn vốn đến 31/12/2014:

Đơn vị tính: đồng

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b> | <b>Số dư đến 31/12/2014</b> |
|-----------|-----------------|-----------------------------|
|-----------|-----------------|-----------------------------|

|           |                             |                        |
|-----------|-----------------------------|------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng tài sản</b>         | <b>224.479.411.435</b> |
| A         | <i>Tài sản ngắn hạn</i>     | 65.791.082.777         |
| B         | <i>Tài sản dài hạn</i>      | 158.688.328.658        |
| <b>II</b> | <b>Tổng nguồn vốn</b>       | <b>224.479.411.435</b> |
| A         | <i>Nợ phải trả</i>          | 5.690.270.875          |
| B         | <i>Nguồn vốn chủ sở hữu</i> | 218.789.140.560        |

## **2/ Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh:**

### *a/ Hoạt động sản xuất:*

- Công ty đã thành lập phòng bán hàng và Marketing để tập trung phát triển sản phẩm.

- Hoạt động sản xuất của Công ty đã được triển khai đúng theo định hướng của Hội đồng quản trị, cũng như yêu cầu của đối tác.

- Trong năm Công ty đã đưa ra thị trường hai sản phẩm mới là *Nước giặt AVO* và *NRC SHINY*.

- Công ty đang tiến hành sản xuất thử nghiệm xà phòng tắm mang nhãn hiệu AVO và xà phòng bánh sử dụng cho giặt quần áo bảo hộ. Các sản phẩm đang trong quá trình hoàn thiện bao bì, mẫu mã, dự kiến năm 2015 sẽ đưa ra thị trường tiêu thụ.

### *b/ Hoạt động kinh doanh vật tư hóa chất:*

Trong năm 2014 công ty đã tập trung vào kinh doanh hóa chất bán cho U và đã mở rộng thị trường kinh doanh với các đối tác khác trong đó các doanh nghiệp là thành viên của Tập đoàn Hóa chất Việt nam.

Cuối năm 2014 công ty đã gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh Công ty đã phải tập trung tìm nguồn nhân lực đảm bảo cho công việc kinh doanh, đồng thời tích cực khai thác tối đa việc cung cấp hóa chất và cung cấp các dịch vụ tới khách hàng.

Ngoài việc kinh doanh với U và các đối tác khác, năm 2014 Công ty đã tiến hành việc trao đổi, mua bán nguyên liệu với một số doanh nghiệp là thành viên trong Tập đoàn Hóa chất VN như: Công ty CP Bột giặt Lix, Net, Công ty CP XNK Hóa chất Miền Nam – Southchimex...

## **3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành.**

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong các cuộc họp, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phù hợp với mục tiêu của Hội đồng quản trị và các chính sách, chế độ quy định.

Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, ban giám đốc, được các phòng ban trong Công ty tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp hồ sơ tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra kiểm soát của Ban Kiểm soát.

#### **4. Thực hiện nghị quyết của đại hội cổ đông**

Trong năm 2014, Công ty gặp nhiều khó khăn nên không hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội cổ đông. Năm 2014 Công ty bị lỗ. Cụ thể:

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>               | <b>Nghị Quyết ĐHCĐ</b> | <b>Thực hiện</b>     | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------|-------------------------------|------------------------|----------------------|--------------|
| 1         | Giá trị SXCN                  | 118.720 tỷ             | 105.471 tỷ           | 88%          |
| 2         | Doanh thu                     | 282.468 tỷ             | 131.990 tỷ           | 46,7%        |
| 3         | Nộp ngân sách                 | 29.221 tỷ              | 15.609 tỷ            | 53,4%        |
| 4         | Lợi nhuận trước thuế          | 2,357 tỷ               | - 5,727 tỷ           |              |
| 5         | Đầu tư XD CB                  | 1,5 tỷ                 | 850 triệu            | 56%          |
| 6         | Thu nhập bình quân đầu người. | 5.645.000 đồng/người   | 5.160.000 đồng/người | 91%          |

#### **5. Xây dựng các quy chế, quy định và các định mức tiêu hao:**

Trong năm 2014 công ty đã ban hành các quy chế ,qui định ,định mức tiêu hao hoặc sửa đổi bổ sung các quy chế, qui định ,định mức tiêu hao đang hiện hành của công ty.

### **IV/ Ban Kiểm soát nhận xét và kiến nghị:**

#### **1/ Nhận xét**

- Về tổ chức cơ cấu của Công ty: cơ cấu tổ chức của công ty hiện nay chưa hợp lý, chức năng nhiệm vụ chưa rõ ràng, Công ty cần duy trì, ổn định công việc tại một số phòng ban đã sắp xếp lại.

- Trong năm 2014, Công ty gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, hoạt động sản xuất chưa đem lại hiệu quả nên Công ty bị lỗ và không hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao về sản lượng sản xuất, doanh thu, lợi nhuận. Để sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả Công ty cần đẩy

mạnh sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của Công ty, chủ động trong sản xuất kinh doanh.

- Hiện nay các quy chế, quy định của Công ty đã ban hành nhưng còn chưa đồng bộ và đầy đủ nên với quy mô và tình hình hoạt động năm 2014 và các năm tiếp theo của Công ty .Hệ thống quy chế, quy định chưa đáp ứng được nhu cầu hoạt động hiện tại của Công ty.

## **2/ Kiến nghị**

- Để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động sản xuất gia công cho đối tác, Ban Kiểm soát đề nghị công ty duy trì, đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng cũng như vệ sinh, các yêu cầu về quản lý của ULV, đồng thời đàm phán để ULV tiếp tục ký hợp đồng gia công với Công ty.

- Công ty duy trì, tập trung nguồn lực vào mảng kinh doanh hóa chất đồng thời tìm và mở rộng danh sách nhà cung cấp vào U sao cho đảm bảo được nguồn hàng có chất lượng và giá cả cạnh tranh. Đồng thời tập chung vào việc tiêu thụ hàng tồn kho .

- Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất chai nhựa nên cần tập trung đẩy nhanh việc sản xuất chai tránh để thiệt hại về vốn đầu tư, đồng thời xem xét lại việc đầu tư cho dự án văn phòng làm việc tại 316-318 Nguyễn Trãi –Thanh Xuân Hà Nội.

- Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty phải rà soát các quy chế, quy định, các định mức tiêu hao hiện tại để thực hiện sửa đổi bổ sung cho phù hợp, các quy chế, quy định còn thiếu phải được xây dựng và ban hành đưa vào thực tiễn trong năm 2015 nâng cao trách nhiệm của từng khâu, từng bộ phận nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát trân trọng báo cáo!

**CÁC THÀNH VIÊN**

**TRƯỞNG BAN**

**Đã ký**

**Đỗ Thúy Ngọc**

**Nguyễn Thị Vân Hoa**

**Lê Quang Tín**



## **VII. Báo cáo tài chính**

2

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÀ PHÒNG HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

## THÔNG TIN CHUNG CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà Nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính Phủ về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần và Quyết định số 309/2003/QĐ-HĐQT ngày 29/11/2002 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa chất Việt Nam về kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp năm 2003. Năm 2003 Công ty chính thức được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 248/2003/QĐ - BCN ngày 31/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về chuyển chính thức Công ty Xà phòng Hà Nội thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội.

Công ty đăng ký kinh doanh tại: Số 233B đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Nhà máy sản xuất đặt tại: Lô CN3.2 Khu công nghiệp Thạch Thất, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 129.724.750.000 đồng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm.

|                          |                       |                            |
|--------------------------|-----------------------|----------------------------|
| <b>Hội đồng quản trị</b> | Ông Phạm Văn Chương   | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
|                          | Ông Trương Văn Minh   | Ủy viên                    |
|                          | Ông Lê Hải Sơn        | Ủy viên                    |
|                          | Ông Lê Hồng Sơn       | Ủy viên                    |
|                          | Ông Đào Nguyên Du     | Ủy viên                    |
| <b>Ban Giám đốc</b>      | Ông Trương Văn Minh   | Giám đốc                   |
|                          | Bà Lê Diệu Thúy       | Phó Giám đốc               |
| <b>Ban Kiểm soát</b>     | Bà Nguyễn Thị Vân Hoa | Trưởng ban                 |
|                          | Bà Đỗ Thúy Ngọc       | Thành viên                 |
|                          | Ông Lê Quang Tín      | Thành viên                 |

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Trương Văn Minh - Giám đốc Công ty.

### **ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN**

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA- IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 32. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trương Văn Minh**  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### **Kính gửi:**

### **Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xã phòng Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đó vào ngày 12 tháng 3 năm 2014.



**Nguyễn Quốc Hùng**  
Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0295-2013-146-1  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA -IAFC**  
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

**Đinh Thế Hùng**  
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1917-2013-146-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                       | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2014<br>VND      | 01/01/2014<br>VND      |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>65.791.082.777</b>  | <b>89.351.661.110</b>  |
| <b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>  | <b>110</b> | <b>3</b>    | <b>7.344.099.327</b>   | <b>7.359.398.128</b>   |
| 1. Tiền                                       | 111        |             | 3.344.099.327          | 1.359.398.128          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                 | 112        |             | 4.000.000.000          | 6.000.000.000          |
| <b>II- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |             | <b>31.456.681.679</b>  | <b>43.852.785.790</b>  |
| 1. Phải thu khách hàng                        | 131        |             | 30.280.493.886         | 42.591.539.296         |
| 2. Trả trước cho người bán                    | 132        |             | 1.038.406.915          | 1.463.771.061          |
| 3. Các khoản phải thu khác                    | 135        | <b>4</b>    | 287.988.299            | 225.095.453            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi         | 139        |             | (150.207.421)          | (427.620.020)          |
| <b>III- Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>5</b>    | <b>24.501.175.431</b>  | <b>33.489.848.284</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                               | 141        |             | 24.577.871.326         | 33.489.848.284         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho             | 149        |             | (76.695.895)           | -                      |
| <b>IV- Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>2.489.126.340</b>   | <b>4.649.628.908</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                 | 151        |             | 19.663.558             | 39.597.652             |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                    | 152        |             | 1.440.117.128          | 3.724.823.391          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu            | 154        | <b>6</b>    | 858.164.126            | 855.743.915            |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác                      | 158        |             | 171.181.528            | 29.463.950             |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>158.688.328.658</b> | <b>166.037.544.887</b> |
| <b>I- Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>86.942.972.993</b>  | <b>93.509.168.037</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | <b>7</b>    | 69.554.613.449         | 76.262.049.796         |
| - Nguyên giá                                  | 222        |             | 115.371.587.945        | 114.529.881.490        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 223        |             | (45.816.974.496)       | (38.267.831.694)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                    | 227        | <b>8</b>    | 10.975.224.154         | 11.273.715.064         |
| - Nguyên giá                                  | 228        |             | 12.010.371.500         | 12.010.371.500         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 229        |             | (1.035.147.346)        | (736.656.436)          |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 230        | <b>9</b>    | 6.413.135.390          | 5.973.403.177          |
| <b>II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | <b>250</b> | <b>10</b>   | <b>71.250.000.000</b>  | <b>71.250.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư dài hạn khác                        | 258        |             | 71.250.000.000         | 71.250.000.000         |
| <b>II- Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b> |             | <b>495.355.665</b>     | <b>1.278.376.850</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        | <b>11</b>   | 292.866.948            | 814.892.057            |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             | 262        | <b>12</b>   | 202.488.717            | 463.484.793            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      | <b>270</b> |             | <b>224.479.411.435</b> | <b>255.389.205.997</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN  
Đơn vị tính: VND\*

| NGUỒN VỐN                        | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2014<br>VND      | 01/01/2014<br>VND      |
|----------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>            | <b>300</b> |             | <b>5.690.270.875</b>   | <b>28.815.410.354</b>  |
| <b>I- Nợ ngắn hạn</b>            | <b>310</b> |             | <b>5.690.270.875</b>   | <b>28.815.410.354</b>  |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn            | 311        | 13          | -                      | 14.357.345.586         |
| 2. Phải trả người bán            | 312        |             | 2.211.711.293          | 5.361.639.487          |
| 3. Người mua trả tiền trước      | 313        |             | 30.261.731             | -                      |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp NN | 314        | 14          | -                      | 195.103                |
| 5. Phải trả người lao động       | 315        |             | 456.550.969            | 302.868.796            |
| 6. Chi phí phải trả              | 316        | 15          | -                      | 851.087.624            |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp  | 319        | 16          | 755.616.652            | 821.952.402            |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi      | 323        |             | 2.236.130.230          | 7.120.321.356          |
| <b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>         | <b>400</b> |             | <b>218.789.140.560</b> | <b>226.573.795.643</b> |
| <b>I- Vốn chủ sở hữu</b>         | <b>410</b> | <b>17</b>   | <b>218.789.140.560</b> | <b>226.573.795.643</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu     | 411        |             | 129.724.750.000        | 129.724.750.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần          | 412        |             | 99.524.000             | 99.524.000             |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển         | 417        |             | 94.817.642.009         | 95.474.903.400         |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính        | 418        |             | 754.578.789            | 1.316.484.860          |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân  | 420        |             | (6.607.354.238)        | (41.866.617)           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>       | <b>440</b> |             | <b>224.479.411.435</b> | <b>255.389.205.997</b> |

333333933

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| Chỉ tiêu                         | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014    | 01/01/2014    |
|----------------------------------|-------|-------------|---------------|---------------|
|                                  |       |             | VND           | VND           |
| 1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, | 002   |             | 5.157.169.350 | 3.677.666.793 |
| 2. Ngoại tệ các loại (USD)       | 005   |             |               |               |
| <i>Đô la Mỹ</i>                  |       |             | 245,00        | 245,00        |

Vũ Thị Hương  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Lê Hải Sơn  
Kế toán trưởng



Trương Văn Minh  
Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**Mẫu B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2014<br>VND        | Năm 2013<br>VND        |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ               | 01        | <b>18</b>   | 132.121.424.347        | 217.133.371.485        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02        | <b>19</b>   | 131.098.762            | -                      |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ      | 10        | <b>20</b>   | 131.990.325.585        | 217.133.371.485        |
| 4. Giá vốn hàng bán                                     | 11        | <b>21</b>   | 115.292.357.986        | 195.338.576.090        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>20</b> |             | <b>16.697.967.599</b>  | <b>21.794.795.395</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21        | <b>22</b>   | 47.727.518             | 593.875.128            |
| 7. Chi phí tài chính                                    | 22        | <b>23</b>   | 839.849.796            | 3.591.529.281          |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                        | 23        |             | <i>636.909.839</i>     | <i>2.314.063.125</i>   |
| 8. Chi phí bán hàng                                     | 24        |             | 13.091.841.832         | 10.776.716.108         |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 25        |             | 8.631.943.578          | 9.795.276.674          |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>      | <b>30</b> |             | <b>(5.817.940.089)</b> | <b>(1.774.851.540)</b> |
| 11. Thu nhập khác                                       | 31        |             | 374.278.943            | 149.404.316            |
| 12. Chi phí khác  | 32        |             | 282.867.311            | -                      |
| <b>13. Lợi nhuận khác</b>                               | <b>40</b> |             | <b>91.411.632</b>      | <b>149.404.316</b>     |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>            | <b>50</b> |             | <b>(5.726.528.457)</b> | <b>(1.625.447.224)</b> |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                         | 51        |             | -                      | -                      |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                          | 52        | <b>24</b>   | 260.996.076            | 732.003.383            |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>     | <b>60</b> |             | <b>(5.987.524.533)</b> | <b>(2.357.450.607)</b> |

Vũ Thị Hương  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Lê Hải Sơn  
Kế toán trưởng



Trương Văn Minh  
Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Năm 2014                | Năm 2013                |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
|  |           | VND                     | VND                     |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |                         |                         |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> | <b>(5.726.528.457)</b>  | <b>(1.625.447.224)</b>  |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>   |           |                         |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định   | 02        | 6.303.494.478           | 6.388.978.523           |
| - Các khoản dự phòng   | 03        | (200.716.704)           | (900.947.248)           |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện  | 04        | -                       | (9.468.102)             |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | (43.690.694)            | (450.853.255)           |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | 636.909.839             | 2.314.063.125           |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                          | <b>08</b> | <b>969.468.462</b>      | <b>5.716.325.819</b>    |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        | 14.814.085.184          | 49.784.735.398          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        | 8.911.976.958           | 18.735.829.414          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | (3.883.602.767)         | (23.805.531.144)        |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        | 541.959.203             | (64.421.638)            |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 13        | (636.909.839)           | (2.617.892.899)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 15        | 5.206.795.583           | 577.422.515             |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        | (10.264.954.653)        | (7.195.433.712)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | <b>20</b> | <b>15.658.818.131</b>   | <b>41.131.033.753</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài   | 21        | (1.360.462.040)         | (17.231.730.126)        |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27        | 43.690.694              | 450.853.255             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> | <b>(1.316.771.346)</b>  | <b>(16.780.876.871)</b> |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |                         |                         |
| 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được  | 33        | 56.268.328.292          | 167.317.965.861         |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        | (70.625.673.878)        | (219.059.450.245)       |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |                         | (23.832.000)            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> | <b>(14.357.345.586)</b> | <b>(51.765.316.384)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> | <b>(15.298.801)</b>     | <b>(27.415.159.502)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>7.359.398.128</b>    | <b>34.774.557.630</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>7.344.099.327</b>    | <b>7.359.398.128</b>    |

Vũ Thị Hương  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Lê Hải Sơn  
Kế toán trưởng



Trương Văn Minh  
Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính )*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà Nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính Phủ về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần và Quyết định số 309/2003/QĐ-HĐQT ngày 29/11/2002 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa chất Việt Nam về kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp năm 2003. Năm 2003 Công ty chính thức được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 248/2003/QĐ - BCN ngày 31/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về chuyển chính thức Công ty Xà phòng Hà Nội thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội.

Công ty đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: Số 233B đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Nhà máy sản xuất đặt tại: Lô CN3.2 Khu công nghiệp Thạch Thất, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 129.724.750.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006569 ngày 27 tháng 01 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sửa đổi lần 7 ngày 24 tháng 12 năm 2013, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

**Ngành nghề kinh doanh**

- Công nghiệp sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hóa chất, vật tư và chất tẩy rửa tổng hợp;
- Sản xuất kinh doanh hóa mỹ phẩm, bao bì và in nhãn mác trên sản phẩm;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, lương thực, thực phẩm đã qua chế biến;
- Cho thuê văn phòng và kho tàng;
- Sản xuất và kinh doanh nhựa PVC vật liệu hàng xây dựng, hàng trang trí nội, ngoại thất, sản phẩm, vật tư ngành cơ khí;
- Kinh doanh phân bón (trừ loại nhà nước cấm)/.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

**2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

**2.4 Chính sách kế toán áp dụng**

**2.4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

*Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền.*

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

*Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác*

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**2.4.2 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho.

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

*Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ*

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho.*

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

*Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**2.4.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác.**

*Nguyên tắc ghi nhận:* Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

*Lập dự phòng phải thu khó đòi:* Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

**2.4.4 Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định.**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình.*

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình.*

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

| <b>Tài sản cố định hữu hình</b>          | <b>Thời gian sử dụng</b> |
|--|--------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc                   | 6 - 25 năm               |
| Máy móc, thiết bị                        | 6 - 15 năm               |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 6 - 10 năm               |
| Thiết bị văn phòng                       | 3 - 8 năm                |
| <b>Tài sản cố định vô hình</b>           |                          |
| Phần mềm máy kế toán và khác             | 3 - 8 năm                |

**2.4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

**2.4.6 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phạt phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**2.4.7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác.**

*Chi phí trả trước.*

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

*Chi phí khác*

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

*Phương pháp phân bổ chi phí trả trước.*

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**2.4.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

*Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.*

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

**2.4.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ* : Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

*Doanh thu hoạt động tài chính*: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.4.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm.

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**2.4.13 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**2.4.14.1 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận được lập theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận.

Các bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của doanh nghiệp dùng để lập báo cáo cho bên ngoài phải là các đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp đó. Thông tin bộ phận do các đơn vị này lập để giúp Ban Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đưa ra quyết định điều hành và quản lý trong tương lai của doanh nghiệp.

Một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tổng Doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận, hoặc;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

- b) Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10 % trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc;
- c) Tài sản của bộ phận chiếm từ 10 % trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

**2.4.15 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG  
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                            | <b>31/12/2014</b>    | <b>01/01/2014</b>    |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
|                            | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| Tiền mặt                   | 85.220.733           | 104.770.985          |
| Tiền gửi ngân hàng         | 3.258.878.594        | 1.254.627.143        |
| Các khoản tương đương tiền | 4.000.000.000        | 6.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                | <b>7.344.099.327</b> | <b>7.359.398.128</b> |

**4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

|               | <b>31/12/2014</b>  | <b>01/01/2014</b>  |
|---------------|--------------------|--------------------|
|               | <b>VND</b>         | <b>VND</b>         |
| Phải thu khác | 287.988.299        | 225.095.453        |
| <b>Cộng</b>   | <b>287.988.299</b> | <b>225.095.453</b> |

**5. HÀNG TỒN KHO**

|   | <b>31/12/2014</b>     | <b>01/01/2014</b>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Hàng mua đang đi trên đường                                 | -                     | 1.501.847.066         |
| Nguyên liệu, vật liệu                                       | 1.639.556.421         | 768.791.320           |
| Công cụ, dụng cụ  | 52.620.163            | 30.395.924            |
| Thành phẩm  | 319.352.938           | 116.383.575           |
| Hàng hoá  | 22.566.341.804        | 30.258.187.681        |
| Hàng gửi đi bán   | -                     | 814.242.718           |
| <b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>                            | <b>24.577.871.326</b> | <b>33.489.848.284</b> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                              | 76.695.895            | -                     |
| <b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b> | <b>24.501.175.431</b> | <b>33.489.848.284</b> |

**6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

|                                     | <b>31/12/2014</b>  | <b>01/01/2014</b>  |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                     | <b>VND</b>         | <b>VND</b>         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa | 855.743.915        | 855.743.915        |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa      | 2.420.211          | -                  |
| <b>Cộng</b>                         | <b>858.164.126</b> | <b>855.743.915</b> |

*Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU**

**B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|   | <b>Nhà cửa,<br/>vật kiến trúc</b> | <b>Máy móc,<br/>thiết bị</b> | <b>Phương tiện vận<br/>tải</b> | <b>Dụng cụ quản lý</b> | <b>Cộng</b>            |
|---|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>   |                                   |                              |                                |                        |                        |
| <b>Số dư tại 01/01/2014</b>   | <b>52.750.244.737</b>             | <b>53.513.090.928</b>        | <b>7.956.563.135</b>           | <b>309.982.690</b>     | <b>114.529.881.490</b> |
| <b>Tăng trong năm</b>   | <b>191.818.182</b>                | <b>33.121.000</b>            | <b>616.767.273</b>             | <b>-</b>               | <b>841.706.455</b>     |
| Mua trong năm   |                                   | 33.121.000                   | 616.767.273                    |                        | 649.888.273            |
| Đầu tư XD/CB hoàn thành   | 191.818.182                       |                              |                                |                        | 191.818.182            |
| <b>Giảm trong năm</b>   | <b>-</b>                          | <b>-</b>                     | <b>-</b>                       | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>Số dư tại 31/12/2014</b>   | <b>52.942.062.919</b>             | <b>53.546.211.928</b>        | <b>8.573.330.408</b>           | <b>309.982.690</b>     | <b>115.371.587.945</b> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>   |                                   |                              |                                |                        |                        |
| <b>Số dư tại 01/01/2014</b>   | <b>3.433.153.066</b>              | <b>31.407.831.131</b>        | <b>3.245.525.541</b>           | <b>181.321.956</b>     | <b>38.267.831.694</b>  |
| <b>Tăng trong năm</b>   | <b>3.014.266.019</b>              | <b>3.938.310.834</b>         | <b>547.756.907</b>             | <b>48.809.042</b>      | <b>7.549.142.802</b>   |
| Khấu hao trong năm  | 3.014.266.019                     | 3.938.310.834                | 547.756.907                    | 48.809.042             | 7.549.142.802          |
| <b>Giảm trong năm</b>   | <b>-</b>                          | <b>-</b>                     | <b>-</b>                       | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>Số dư tại 31/12/2014</b>   | <b>6.447.419.085</b>              | <b>35.346.141.965</b>        | <b>3.793.282.448</b>           | <b>230.130.998</b>     | <b>45.816.974.496</b>  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>  |                                   |                              |                                |                        |                        |
| <b>Tại 01/01/2014</b>   | <b>49.317.091.671</b>             | <b>22.105.259.797</b>        | <b>4.711.037.594</b>           | <b>128.660.734</b>     | <b>76.262.049.796</b>  |
| <b>Tại 31/12/2014</b>   | <b>46.494.643.834</b>             | <b>18.200.069.963</b>        | <b>4.780.047.960</b>           | <b>79.851.692</b>      | <b>69.554.613.449</b>  |
| Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: |                                   |                              |                                |                        | 20.512.884.839         |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
**09-DN**

**MẪU B**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | Website           | Phần mềm           | Đất                   | Cộng                  |
|-------------------------------|-------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                   |                    |                       |                       |
| Số dư tại 01/01/2014          | 60.000.000        | 218.323.000        | 11.732.048.500        | 12.010.371.500        |
| Tăng trong năm                | -                 | -                  | -                     | -                     |
| Mua trong năm                 |                   |                    |                       |                       |
| Số dư tại 31/12/2014          | <u>60.000.000</u> | <u>218.323.000</u> | <u>11.732.048.500</u> | <u>12.010.371.500</u> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                   |                    |                       |                       |
| Số dư tại 01/01/2014          | 40.000.000        | 164.874.615        | 531.781.821           | 736.656.436           |
| Tăng trong năm                | 20.000.000        | 12.600.000         |                       | 298.490.910           |
| Khấu hao trong năm            | 20.000.000        | 12.600.000         | 265.890.910           | 298.490.910           |
| Số dư tại 31/12/2014          | <u>60.000.000</u> | <u>177.474.615</u> | <u>531.781.821</u>    | <u>1.035.147.346</u>  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                   |                    |                       |                       |
| Tại 01/01/2014                | <u>20.000.000</u> | <u>53.448.385</u>  | <u>11.200.266.679</u> | <u>11.273.715.064</u> |
| Tại 31/12/2014                | <u>-</u>          | <u>40.848.385</u>  | <u>11.200.266.679</u> | <u>10.975.224.154</u> |

(\*) Là giá trị quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng là 44 năm bắt đầu từ năm 2012 tại Lô CN3.2 Khu công nghiệp Thạch Thất, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

**9. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

| Nội dung                                 | 31/12/2014           | 01/01/2014           |
|--|----------------------|----------------------|
|  | VND                  | VND                  |
| Chi tiết                                 | 6.413.135.390        | 5.973.403.177        |
| Dự án NM tại Mê Linh                     | 100.000.000          | 100.000.000          |
| Dự án Văn phòng làm việc tại Nguyễn Trãi | 301.813.448          | 301.813.448          |
| Dây chuyền lắp can nhựa                  | 5.785.681.091        | 5.453.427.134        |
| Sửa chữa lớn TSCĐ                        |                      | 118.162.595          |
| Khác                                     | 225.640.851          |                      |
| <b>Cộng</b>                              | <u>6.413.135.390</u> | <u>5.973.403.177</u> |

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

| Khoản đầu tư dài hạn khác   | 31/12/2014    |                  |                       | 01/01/2014       |                       |
|-----------------------------|---------------|------------------|-----------------------|------------------|-----------------------|
|                             | % vốn điều lệ | Số lượng         | Giá trị               | Số lượng         | Giá trị               |
| Công ty Cổ phần BĐS Xavinco | 3,6%          | 7.125.000        | 71.250.000.000        | 7.125.000        | 71.250.000.000        |
| <b>Tổng</b>                 |               | <u>7.125.000</u> | <u>71.250.000.000</u> | <u>7.125.000</u> | <u>71.250.000.000</u> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
**09-DN**

**MẪU B**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

- (\*) Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco có vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng, trong đó: Công ty CP Xà phòng Hà Nội góp 71,25 tỷ đồng tương đương gần 3,6%, số vốn điều lệ còn lại do Vingroup nắm giữ. Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco theo hợp đồng hợp tác đầu tư sẽ khai thác diện tích đất tại địa chỉ 233 và 233B Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, diện tích đất này hiện đứng tên Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội, tuy nhiên, phần lớn các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng hợp tác đầu tư đã được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco, đến thời điểm 31/12/2014, Công ty Cổ phần BĐS Xavinco vẫn đang trong giai đoạn đầu tư XD/CB nên Ban Giám đốc nhận định việc trình bày và ghi nhận theo giá gốc là phù hợp

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

| <i>Chi tiết theo đối tượng</i>   | <b>31/12/2014</b>  | <b>01/01/2014</b>  |
|--|--------------------|--------------------|
|  | <b>VND</b>         | <b>VND</b>         |
| Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ VH | 274.652.583        | 529.869.800        |
| Chi phí trả trước dài hạn khác   | 18.214.365         | 285.022.257        |
| <i>Chi phí CCDC đã xuất dùng</i>   | <i>18.214.365</i>  | <i>285.022.257</i> |
| <b>Cộng</b>  | <b>292.866.948</b> | <b>814.892.057</b> |

**12. TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÃN LẠI**

|  | <b>31/12/2014</b>  | <b>01/01/2014</b>  |
|--|--------------------|--------------------|
|  | <b>VND</b>         | <b>VND</b>         |
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>  |                    |                    |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 202.488.717        | 463.484.793        |
| <b>Cộng</b>  | <b>202.488.717</b> | <b>463.484.793</b> |

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

|                            | <b>31/12/2014</b> | <b>01/01/2014</b>     |
|----------------------------|-------------------|-----------------------|
|                            | <b>VND</b>        | <b>VND</b>            |
| Vay ngắn hạn               | -                 | <b>14.357.345.586</b> |
| <i>Ngân hàng HSBC</i>      |                   | <i>9.675.435.315</i>  |
| <i>Ngân hàng Indochina</i> |                   | <i>4.681.910.270</i>  |
| <b>Cộng</b>                | <b>-</b>          | <b>14.357.345.586</b> |

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                       | <b>31/12/2014</b> | <b>01/01/2014</b> |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
|                       | <b>VND</b>        | <b>VND</b>        |
| Thuế thu nhập cá nhân | -                 | 195.103           |
| <b>Cộng</b>           | <b>-</b>          | <b>195.103</b>    |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
**09-DN**

**MẪU B**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

*khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.*

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

|  | <b>31/12/2014</b> | <b>01/01/2014</b>  |
|--|-------------------|--------------------|
|  | <b>VND</b>        | <b>VND</b>         |
| Chi phí phải trả khác                      | -                 | 851.087.624        |
| <i>Trích trước chi phí tư vấn giám sát</i> |                   | <i>695.206.300</i> |
| <i>Trích trước chi phí hải quan</i>        |                   | <i>101.335.870</i> |
| <i>Trích trước chi phí thẩm tra</i>        |                   | <i>54.545.454</i>  |
| <b>Cộng</b>                                | <b>-</b>          | <b>851.087.624</b> |

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

|                                   | <b>31/12/2014</b>  | <b>01/01/2014</b>  |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                   | <b>VND</b>         | <b>VND</b>         |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 755.616.652        | 821.952.402        |
| <i>Cổ tức phải trả</i>            | <i>269.727.300</i> | <i>269.727.300</i> |
| <i>Khác</i>                       | <i>485.889.352</i> | <i>552.225.102</i> |
| <b>Cộng</b>                       | <b>755.616.652</b> | <b>821.952.402</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU**

**B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                                      | <b>Vốn đầu tư của<br/>chủ sở hữu</b> | <b>Thặng dư vốn<br/>cổ phần</b> | <b>Quỹ đầu tư<br/>phát triển</b> | <b>Quỹ dự phòng<br/>tài chính</b> | <b>Lợi nhuận sau<br/>thuế chưa phân<br/>phối</b> | <b>Cộng</b>            |
|--------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|--|------------------------|
| <b>Số dư tại 01/01/2013</b>          | <b>129.724.750.000</b>               | <b>99.524.000</b>               | <b>95.358.958.076</b>            | <b>1.316.484.860</b>              | <b>2.547.474.638</b>                             | <b>229.047.191.574</b> |
| <b>Tăng trong năm</b>                | -                                    | -                               | <b>115.945.324</b>               | -                                 | <b>(2.357.450.607)</b>                           | <b>(2.241.505.283)</b> |
| Phân phối lợi nhuận năm trước        |                                      |                                 | 115.945.324                      |                                   |  | 115.945.324            |
| Lỗi năm trước                        |                                      |                                 |                                  |                                   | (2.357.450.607)                                  | (2.357.450.607)        |
| <b>Giảm nguồn vốn</b>                | -                                    |                                 | -                                | -                                 | <b>231.890.648</b>                               | <b>231.890.648</b>     |
| Giảm khác                            |                                      |                                 |                                  |                                   | 231.890.648                                      | 231.890.648            |
| <b>Số dư tại 31/12/2013</b>          | <b>129.724.750.000</b>               | <b>99.524.000</b>               | <b>95.474.903.400</b>            | <b>1.316.484.860</b>              | <b>(41.866.617)</b>                              | <b>226.573.795.643</b> |
| <b>Số dư tại 01/01/2014</b>          | <b>129.724.750.000</b>               | <b>99.524.000</b>               | <b>95.474.903.400</b>            | <b>1.316.484.860</b>              | <b>(41.866.617)</b>                              | <b>226.573.795.643</b> |
| <b>Tăng trong năm</b>                | -                                    | -                               | -                                | <b>115.945.324</b>                | <b>(5.987.524.533)</b>                           | <b>(5.871.579.209)</b> |
| Điều chỉnh lại                       |                                      |                                 |                                  | 115.945.324                       | (5.987.524.533)                                  | (5.871.579.209)        |
| <b>Giảm trong năm</b>                | -                                    | -                               | <b>657.261.391</b>               | <b>677.851.395</b>                | <b>577.963.088</b>                               | <b>1.913.075.874</b>   |
| Điều chỉnh theo KTNN                 |                                      |                                 |                                  |                                   | 577.963.088                                      | 577.963.088            |
| Nộp theo Biên bản thanh tra thuế (*) |                                      |                                 | 541.316.067                      | 677.851.395                       | -  | 1.219.167.462          |
| Điều chỉnh lại                       |                                      |                                 | 115.945.324                      | -                                 |  | 115.945.324            |
| <b>Số dư tại 31/12/2014</b>          | <b>129.724.750.000</b>               | <b>99.524.000</b>               | <b>94.817.642.009</b>            | <b>754.578.789</b>                | <b>(6.607.354.238)</b>                           | <b>218.789.140.560</b> |

(\*) Theo Biên bản họp HĐQT Công ty phiên thứ 9, nhiệm kỳ 2013-2017 ngày 20/07/2014 đã nhất trí thông qua việc xử lý đối với Kết luận tranh tra thuế ngày 07/01/2014 của Cục thuế thành phố Hà Nội với số tiền là 1.219.814.208 đồng.



**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

|                            | <b>31/12/2014</b>      | <b>01/01/2014</b>      |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
|                            | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| Vốn góp của Nhà nước       | 103.780.300.000        | 103.780.300.000        |
| Vốn góp của đối tượng khác | 25.944.450.000         | 25.944.450.000         |
| <b>Cộng</b>                | <b>129.724.750.000</b> | <b>129.724.750.000</b> |

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận.**

|                                     | <b>Năm 2014</b>        | <b>Năm 2013</b>        |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                     | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>    |                        |                        |
| Vốn góp tại ngày 01 tháng 01        | 129.724.750.000        | 129.724.750.000        |
| Vốn góp tăng trong năm              | -                      | -                      |
| Vốn góp giảm trong năm              | -                      | -                      |
| <b>Vốn góp tại ngày 31 tháng 12</b> | <b>129.724.750.000</b> | <b>129.724.750.000</b> |
| <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>    | <b>-</b>               | <b>23.832.000</b>      |

**d. Cổ phiếu**

|   | <b>31/12/2014</b> | <b>01/01/2014</b> |
|---|-------------------|-------------------|
|   | <b>Cổ phiếu</b>   | <b>Cổ phiếu</b>   |
| <b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>    | <b>12.972.475</b> | <b>12.972.475</b> |
| <b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b> | <b>12.972.475</b> | <b>12.972.475</b> |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 12.972.475        | 12.972.475        |
| <b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>         |                   |                   |
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>        | <b>12.972.475</b> | <b>12.972.475</b> |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 12.972.475        | 12.972.475        |
| <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>       | 10.000            | 10.000            |

**e. Các quỹ doanh nghiệp**

|                           | <b>31/12/2014</b> | <b>01/01/2014</b> |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
|                           | <b>VND</b>        | <b>VND</b>        |
| Các quỹ của doanh nghiệp: |                   |                   |
| Quỹ đầu tư phát triển     | 94.817.642.009    | 95.474.903.400    |
| Quỹ dự phòng tài chính    | 754.578.789       | 1.316.484.860     |

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                            | Năm 2014<br>VND        | Năm 2013<br>VND        |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng         | 130.200.214.945        | 210.472.931.079        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.921.209.402          | 6.660.440.406          |
| <b>Cộng</b>                | <b>132.121.424.347</b> | <b>217.133.371.485</b> |

**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

|                       | Năm 2014<br>VND    | Năm 2013<br>VND |
|-----------------------|--------------------|-----------------|
| Chiết khấu thương mại | 131.098.762        | -               |
| <b>Cộng</b>           | <b>131.098.762</b> | <b>-</b>        |

**20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                 | Năm 2014<br>VND        | Năm 2013<br>VND        |
|-----------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần | 131.990.325.585        | 217.133.371.485        |
| <b>Cộng</b>     | <b>131.990.325.585</b> | <b>217.133.371.485</b> |

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                 | Năm 2014<br>VND        | Năm 2013<br>VND        |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng đã bán         | 99.209.592.515         | 176.703.355.851        |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán   | 14.431.597.799         | 12.535.241.740         |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 1.651.167.672          | 6.099.978.499          |
| <b>Cộng</b>                     | <b>115.292.357.986</b> | <b>195.338.576.090</b> |

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                      | Năm 2014<br>VND   | Năm 2013<br>VND    |
|--------------------------------------|-------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay           | 43.690.694        | 450.873.315        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 4.036.824         | 133.533.711        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | -                 | 9.468.102          |
| <b>Cộng</b>                          | <b>47.727.518</b> | <b>593.875.128</b> |

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                   | Năm 2014<br>VND    | Năm 2013<br>VND      |
|-----------------------------------|--------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay                      | 636.909.839        | 2.314.063.125        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 202.939.957        | 1.277.466.156        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>839.849.796</b> | <b>3.591.529.281</b> |

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

|   | Năm 2014<br>VND    | Năm 2013<br>VND    |
|---|--------------------|--------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 260.996.076        | 732.003.383        |
| <b>Cộng</b>   | <b>260.996.076</b> | <b>732.003.383</b> |

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | Năm 2014<br>VND       | Năm 2013<br>VND       |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 6.679.385.558         | 7.425.076.605         |
| Chi phí nhân công                | 4.025.938.637         | 5.858.613.252         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.303.494.478         | 6.388.978.523         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 13.560.556.901        | 11.316.711.921        |
| Chi phí khác bằng tiền           | 1.326.304.717         | 4.027.257.377         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>31.895.680.291</b> | <b>35.016.637.678</b> |

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, Công ty có số dư và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau.*

| Tên đơn vị                   | Mối quan hệ   | Tính chất giao dịch      | Năm 2014<br>VND      | 31/12/2014<br>VND |
|------------------------------|---------------|--------------------------|----------------------|-------------------|
| Công ty CP XNK HC Miền Nam   | Cùng tập đoàn | <i>Bán Soda Dense</i>    | 49.359.200           | -                 |
| Công ty CP bột giặt LIX      | Cùng tập đoàn | <i>Bán Soda Dense</i>    | 3.384.526.675        | -                 |
| CN Công ty CP bột giặt LIX   | Cùng tập đoàn | <i>Bán Muối Sulphate</i> | 1.529.999.592        | -                 |
| Công ty CP Bột giặt NET      | Cùng tập đoàn | <i>Bán Muối Sulphate</i> | 1.148.822.400        | -                 |
| Công ty CP hóa chất Việt Trì | Cùng tập đoàn | <i>Mua axit</i>          | 20.983.820           | -                 |
| <b>Cộng</b>                  |               |                          | <b>6.133.691.687</b> | <b>-</b>          |

**Thu nhập của Ban Lãnh đạo Công ty**

| <b>Bên liên quan</b> | <b>Tính chất giao dịch</b>     | <b>Năm 2014</b>    | <b>Năm 2013</b>    |
|----------------------|--------------------------------|--------------------|--------------------|
| Hội đồng quản trị    | Thù lao hội đồng quản trị      | 132.000.000        | 132.000.000        |
| Ban Kiểm soát        | Thù lao BKS                    | 60.000.000         | 60.000.000         |
| Ban Giám đốc         | Lương, thưởng và thu nhập khác | 439.490.727        | 409.595.222        |
| <b>Cộng</b>          |                                | <b>631.490.727</b> | <b>601.595.222</b> |

**27. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**28. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý rủi ro nói trên như sau:

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro về thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy như trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro về lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Độ nhạy đối với lãi suất***

Tại thời điểm cuối năm, Công ty không còn các khoản vay ngắn hạn và dài hạn nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro về ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu sự rủi ro do thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản. Tại thời điểm cuối năm, số dư có gốc nguyên tệ của Công ty là không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào giá cổ phiếu. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

***Rủi ro về hàng hóa***

Công ty có rủi ro về hàng hóa do thực hiện mua một số hàng hóa nhất định. Công ty thực hiện quản lý rủi ro hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại một số ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

|                            | Từ 1 năm trở xuống    | Từ 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                  |
|----------------------------|-----------------------|--------------------|------------|-----------------------|
| <b>Tại ngày 31/12/2014</b> | VND                   | VND                | VND        | VND                   |
| Vay và nợ                  | -                     | -                  | -          | -                     |
| Phải trả người bán         | 2.211.711.293         |                    |            | 2.211.711.293         |
| Chi phí phải trả           | -                     |                    |            | -                     |
| Các khoản phải trả khác    | 755.616.652           |                    |            | 755.616.652           |
| <b>Cộng</b>                | <b>2.967.327.945</b>  | <b>-</b>           | <b>-</b>   | <b>2.967.327.945</b>  |
| <b>Tại ngày 01/01/2014</b> |                       |                    |            |                       |
| Vay và nợ                  | 14.357.345.586        | -                  |            | 14.357.345.586        |
| Phải trả người bán         | 5.361.639.487         |                    |            | 5.361.639.487         |
| Chi phí phải trả           | 851.087.624           |                    |            | 851.087.624           |
| Các khoản phải trả khác    | 821.952.402           |                    |            | 821.952.402           |
| <b>Cộng</b>                | <b>21.392.025.099</b> | <b>-</b>           | <b>-</b>   | <b>21.392.025.099</b> |

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các Công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty:

| <i>A Tài sản tài chính</i>                 | <i>Giá trị sổ kế toán</i> |                       | <i>Giá trị hợp lý</i> |                       |
|--|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | <i>31/12/2014</i>         | <i>01/01/2014</i>     | <i>31/12/2014</i>     | <i>01/01/2014</i>     |
| Tiền và tương đương tiền                   | 3.344.099.327             | 1.359.398.128         | 3.344.099.327         | 1.359.398.128         |
| Tài sản sẵn sàng để bán                    | 71.250.000.000            | 71.250.000.000        | 71.250.000.000        | 71.250.000.000        |
| Phải thu khách hàng                        | 30.280.493.886            | 42.591.539.296        | 30.130.286.465        | 42.163.919.276        |
| <i>Dự phòng</i>                            | <i>(150.207.421)</i>      | <i>(427.620.020)</i>  |                       |                       |
| Các khoản phải thu khác                    | 287.988.299               | 225.095.453           | 287.988.299           | 225.095.453           |
| <b>Cộng</b>                                | <b>33.762.374.091</b>     | <b>43.748.412.857</b> | <b>33.762.374.091</b> | <b>43.748.412.857</b> |
|  | <i>Giá trị sổ kế toán</i> |                       | <i>Giá trị hợp lý</i> |                       |
| <i>B. Nợ phải trả tài chính</i>            | <i>31/12/2014</i>         | <i>01/01/2014</i>     | <i>31/12/2014</i>     | <i>01/01/2014</i>     |
| Vay và nợ                                  | -                         | 14.357.345.586        | -                     | 14.357.345.586        |
| Phải trả người bán                         | 2.211.711.293             | 5.361.639.487         | 2.211.711.293         | 5.361.639.487         |
| Chi phí phải trả                           | -                         | 851.087.624           | -                     | 851.087.624           |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 755.616.652               | 821.952.402           | 755.616.652           | 821.952.402           |
| <b>Cộng</b>                                | <b>2.967.327.945</b>      | <b>21.392.025.099</b> | <b>2.967.327.945</b>  | <b>21.392.025.099</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý

- ✓ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ✓ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ✓ Giá trị hợp lý của các công cụ chưa được niêm yết, các khoản vay ngân hàng trái phiếu và các nợ phải trả tài chính khác, các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính, cũng như các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn khác được tạm thời ghi nhận bằng giá gốc..

**31. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Theo đó báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực xuất kinh doanh như sau:

| STT | Tên sản phẩm                   | Doanh thu              | Giá vốn                | Lãi gộp               |             |
|-----|--------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-------------|
|     |                                | Thành tiền             | Thành tiền             | Thành tiền            | Tỷ trọng    |
| 1   | Hoạt động sản xuất và gia công | 12.500.062.514         | 5.218.271.290          | 7.281.791.224         | 44%         |
| 2   | Hoạt động thương mại           | 117.569.053.669        | 108.422.919.024        | 9.146.134.645         | 55%         |
| 3   | Hoạt động dịch vụ              | 1.921.209.402          | 1.651.167.672          | 270.041.730           | 2%          |
|     | <b>Cộng</b>                    | <b>131.990.325.585</b> | <b>115.292.357.986</b> | <b>16.697.967.599</b> | <b>100%</b> |

Ghi chú: Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về tài sản cố định và tài sản dài hạn khác cũng như các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

**32. DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Trình bày lại số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán:

| Chỉ tiêu                    | Mã số | Số dư tại 01/01/2014 | Số dư tại 31/12/2013 | Chênh lệch       |
|-----------------------------|-------|----------------------|----------------------|------------------|
| Đầu tư vào công ty liên kết | 252   | -                    | 71.250.000.000       | (71.250.000.000) |
| Đầu tư dài hạn khác         | 258   | 71.250.000.000       | -                    | 71.250.000.000   |

Lý do: Đảm bảo tính dữ liệu tương ứng để so sánh kỳ này.

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**



Ngày 09/02/2015, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã có thông báo đấu giá bán đấu giá bán cổ phần của CTCP Xà phòng Hà Nội do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam sở hữu. Thời gian đấu giá là ngày 17/03/2015 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngoài sự kiện trên thì Công ty không phát sinh thêm bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính năm nay.

|  |   |  |
|--|---|--|
|                                     |  |  |
| <p><b>Vũ Thị Hương</b><br/>                 Người lập biểu<br/>                 Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015</p> | <p><b>Lê Hải Sơn</b><br/>                 Kế toán trưởng</p>                      | <p><b>Trương Văn Minh</b><br/>                 Giám đốc</p>                        |

**GIÁM ĐỐC**



**TRƯƠNG VĂN MINH**